



Bộ Công Thương



Thực hiện bởi
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

On behalf of:



Federal Ministry
for the Environment, Nature Conservation
and Nuclear Safety

of the Federal Republic of Germany



Sổ tay hướng dẫn phát triển Dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam

Phòng 042A, Tầng 4, Tòa nhà Coco,
14 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

T +84 (0) 24 3941 2605
F +84 (0) 24 3941 2606

E office.energy@giz.de
W www.giz.de | www.gizenergy.org.vn

Sổ tay hướng dẫn phát triển Dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam

GIZ/Dự án Bảo vệ Khí hậu thông qua Phát triển Thị trường Năng lượng Sinh học Bền vững ở Việt Nam (BEM)



Bản quyền:

GIZ/Dự án Bảo vệ Khí hậu thông qua Phát triển Thị trường Năng lượng Sinh học Bền vững ở Việt Nam (BEM)

Dẫn nguồn:

GIZ/Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối Việt Nam

Biên soạn xong:

Tháng 10 năm 2021

Hình ảnh

Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ

Liên hệ:

Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ

Dự án Bảo vệ Khí hậu thông qua Phát triển Thị trường Năng lượng Sinh học Bền vững ở Việt Nam (BEM)

giz Deutsche Gesellschaft für

Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Phòng P042A, Tòa nhà Coco

Thụy Khuê, Quận Tây Hồ

Hà Nội, Việt Nam

T +84 (0) 24 3941 2605

F +84 (0) 24 3941 2606

E thoa.le@giz.de

I gizenergy.org.vn

GIZ chịu trách nhiệm cho nội dung của ấn phẩm này.

Dưới sự ủy quyền của

Bộ Môi trường, Bảo tồn Thiên nhiên và An toàn Hạt nhân

Liên bang Đức (BMU)

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Mặc dù Tác giả đã cố gắng cung cấp thông tin pháp lý chính xác ở mức tối đa, tuy nhiên đối với cuốn Sổ tay này, Tác giả cũng như người xuất bản sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về nội dung của thông tin. Sổ tay này sẽ chỉ phục vụ mục đích cung cấp thông tin liên quan đến quá trình phát triển dự án năng lượng sinh khối. Bên cạnh đó, người sử dụng cần phải hiểu rằng các quy định, luật pháp và thủ tục có thể thay đổi và hơn thế nữa, chúng có thể được áp dụng theo những cách khác nhau.

Người sử dụng **Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam** được khuyến nghị không nên dựa hoàn toàn vào thông tin trong Sổ tay hướng dẫn này như một nguồn thay thế các hướng dẫn pháp lý, kỹ thuật, tài chính, thuế và/hoặc kế toán khác.

Chính vì vậy, Tác giả và người xuất bản sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất kinh doanh nào, bao gồm: tổn thất hoặc thiệt hại liên quan đến lợi nhuận, thu nhập, doanh thu, sản lượng, khoản tiết kiệm dự kiến, hợp đồng, cơ hội thương mại hoặc uy tín.

Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ rất mong nhận được chia sẻ từ Quý vị, những người sử dụng **Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam**, nếu nhận thấy bất kỳ thay đổi về khung pháp lý và quy định cũng như cách hiểu và áp dụng khác. Chúng tôi trân trọng cảm ơn những phản hồi liên quan đến tính hữu ích của tài liệu này để từ đó có thể tiếp tục cập nhật trong tương lai.

Lời nói đầu của Cục Điện lực và năng lượng tái tạo/Bộ Công Thương

Cung ứng năng lượng nói chung và điện năng nói riêng nhằm đáp ứng đầy đủ với độ tin cậy cao cho nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội đang và sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề và thách thức, đặc biệt là sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn năng lượng sơ cấp cũng như các tác động của biến đổi khí hậu đến đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Vì vậy, phát triển đồng bộ và đa dạng hoá các loại hình năng lượng, ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo mà Việt Nam có tiềm năng, trong đó có nguồn năng lượng sinh khối được coi là một trong những giải pháp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Là nước nông nghiệp đang phát triển, Việt Nam có tiềm năng lớn và đa dạng nguồn cung năng lượng sinh khối. Các loại sinh khối chính đó là: phế/phụ phẩm sau thu hoạch và chế biến của các loại cây trồng khác nhau, mùn cưa, ván dăm.... Nguồn sinh khối có thể được chuyển hóa thành năng lượng trong đó có điện năng thông qua các công nghệ chuyển hóa năng lượng khác nhau tùy thuộc loại sinh khối và quy mô dự án.

Với nỗ lực giải quyết các thách thức về nhu cầu năng lượng, an ninh năng lượng và biến đổi khí hậu, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ Việt nam đã đưa ra những Quan điểm chỉ đạo, mục tiêu phát triển nhằm tăng cường phát triển Năng lượng tái tạo, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch

tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về Định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam và Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển Năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Trong đó, mục tiêu năng lượng sinh khối cho cả sản xuất điện và sản xuất nhiệt:

- *Tổng năng lượng sinh khối cho phát điện đạt khoảng 9 triệu tấn dầu tương đương (TOE) vào năm 2030 và khoảng 20 triệu TOE vào năm 2050. Tương ứng với điện năng sản xuất đạt khoảng 37 tỷ kWh vào năm 2030 và 85 tỷ kWh vào năm 2050;*
- *Tổng năng lượng sinh khối cho sản xuất nhiệt đạt khoảng 16,8 triệu TOE vào năm 2030 và khoảng 23 triệu TOE vào năm 2050.*

Nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển năng lượng sinh khối, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương đã ban hành hàng loạt cơ chế khuyến khích hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt nam bằng các Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015 của Bộ Công Thương; và được sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg và Thông tư số

44/2015/TT-BCT thông qua Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg ngày 05/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 16/2020/TT-BCT ngày 07/07/2020 của Bộ Công Thương. Sau khi sửa đổi và bổ sung cơ chế chính sách, giá điện sinh khối hiện hành đã được điều chỉnh theo hướng tăng nhằm thu hút nhà đầu tư các dự án điện sinh khối là minh chứng cho những nỗ lực của Chính phủ và các Bộ, ngành của Việt Nam.

Để hỗ trợ Chủ đầu tư dự án năng lượng sinh khối thuận tiện tra cứu thông tin trong quá trình đầu tư dự án năng lượng sinh khối, **Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương** hân hạnh phát hành tài liệu tham khảo **“Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam” – Bản cập nhật**. Cuốn sổ tay này được Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ tại Việt Nam giúp đỡ thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu một trong các trở ngại đầu tư trong quá trình cấp phép, thực hiện các thỏa thuận, phê duyệt, vv... thông qua việc cung cấp thông tin cụ thể về quy trình thực hiện các thủ tục đầu tư trong phát triển dự án sản xuất điện nổi lưới từ sinh khối tại Việt Nam.

Trân trọng,



Ông Phạm Nguyên Hùng

Phó Cục trưởng, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo
Bộ Công Thương



Lời nói đầu của GIZ

Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích sử dụng năng lượng sinh khối để sản xuất nhiệt và điện. Việc điều chỉnh tăng giá mua điện từ các dự án điện sinh khối nêu trong quyết định số 08/2020/QĐ-TTg ngày 05/3/2020 lên từ 1,14 đến 1,21 lần (tùy theo loại công nghệ) đã chứng minh được sự quan tâm của Chính phủ Việt Nam.

Là quốc gia tiên phong trong việc khai thác và ứng dụng các dạng năng lượng tái tạo, Chính phủ Đức đã đặt mục tiêu rất tham vọng cho việc sản xuất năng lượng từ tất cả các nguồn năng lượng tái tạo tiềm năng của quốc gia và tăng cường mối quan hệ hợp tác phát triển với các quốc gia đối tác trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu trong đó năng lượng đóng một vai trò chủ chốt. Tại Việt Nam, thay mặt cho Chính phủ Đức, Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ đã hợp tác cùng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo/ Bộ Công Thương từ năm 2008 thông qua Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ (ESP) xây dựng phát triển thị trường bền vững phát triển năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng.

Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam do Dự án “Bảo vệ khí hậu thông qua thị trường Năng lượng sinh học bền vững ở Việt Nam” thuộc Chương trình hỗ trợ Năng lượng GIZ phối hợp cùng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo/Bộ Công Thương cập nhật và hoàn thiện. Cuốn Sổ tay này nhằm thúc đẩy đầu tư tư nhân vào thị trường năng lượng tái tạo của Việt Nam thông qua việc cung cấp những thông tin liên quan đến quy trình cấp phép và các thủ tục đầu tư có liên quan trong việc phát triển và xây dựng Dự án năng lượng sinh khối nổi trội. Quy trình triển khai dự án điện sinh khối được minh họa chi tiết từ giai đoạn phát triển dự án, chuẩn bị, phát triển, vận hành bảo dưỡng và tháo dỡ. Cuốn sổ tay được xây dựng thông qua việc ứng dụng các phương pháp khác nhau trong việc thu thập, tổng hợp, kiểm chứng thông tin dữ liệu như nghiên cứu tại văn phòng, phỏng vấn các bên có liên quan, phỏng vấn chuyên gia, hội thảo tham vấn và là sự kết hợp giữa các thông tin về điều kiện khung chính sách với các kinh nghiệm thực tiễn trong việc triển khai phát triển dự án.

GIZ tin rằng cuốn Sổ tay sẽ giúp hỗ trợ phát triển thị trường năng lượng tái tạo của Việt Nam một cách hiệu quả, đóng góp vào mục tiêu chống biến đổi khí hậu của quốc gia.

Trân trọng,



Ông Tobias Cossen

Giám đốc Chương trình

Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ



Mục lục

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM	5	TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI	28
LỜI NÓI ĐẦU CỦA CỤC ĐIỆN LỰC VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO/BỘ CÔNG THƯƠNG	6	3.1. Giai đoạn phát triển dự án	30
LỜI NÓI ĐẦU CỦA GIZ	8	3.2. Giai đoạn thực hiện dự án	31
MỤC LỤC	10	3.3. Giai đoạn vận hành và bảo dưỡng dự án	32
DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT	12	3.4. Giai đoạn kết thúc dự án và tháo dỡ	32
GIỚI THIỆU	15	CHI TIẾT GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI	34
1.1. Tổng quan về Việt Nam	16	4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án	38
1.2. Tổng quan về ngành điện	16	4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án	117
1.3. Tổng quan về Năng lượng sinh khối	18	4.3. Giai đoạn C: Vận hành và bảo dưỡng dự án	155
GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI	22	4.4. Giai đoạn D: Kết thúc dự án và phá dỡ	166
2.1. Mục tiêu	24	PHỤ LỤC	168
2.2. Phạm vi	25	5.1. Tổng hợp các thủ tục	169
2.3. Cách sử dụng	26	5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình	178
		5.3. Danh sách các Văn bản pháp luật liên quan	196
		5.4. Danh sách liên hệ	200



Danh mục những từ viết tắt

A0	Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia
BỘ CT/ BCT	Bộ Công Thương
BỘ KH&ĐT/BKH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
BỘ TC/ BTC	Bộ Tài chính
BỘ TN&MT/ BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CỤC ĐL&NNTT	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo
CỤC ĐTĐL	Cục Điều tiết Điện lực
CT	Thiết bị biến đổi dòng điện
EPTC	Công ty Mua Bán điện của EVN
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
FIT	Giá bán điện cố định
GIZ	Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức
HĐMBĐ	Hợp đồng Mua Bán điện
BCC	Hợp đồng hợp tác kinh doanh
KFW	Ngân hàng Tái thiết Đức
NCKT	Nghiên cứu khả thi
NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
NLTT	Năng lượng tái tạo
NPT	Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
PC	Tổng Công ty Điện lực/Công ty điện lực tỉnh
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QH	Quốc hội

QHPTĐL	Quy hoạch phát triển Điện lực
SCADA/DMS	Hệ thống điều khiển giám sát và thu nhập dữ liệu/hệ thống quản lý phân phối điện
SCADA/EMS	Hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu/hệ thống quản lý năng lượng điện
SỞ CT	Sở Công Thương
SỞ KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
SỞ NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
SỞ TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
SỞ XD	Sở Xây dựng
TKBVTC	Thiết kế bản vẽ thi công
TKCS	Thiết kế cơ sở
TKKT	Thiết kế kĩ thuật
UBND	Ủy ban Nhân dân
USD	Đô-la Mỹ
VAT	Thuế GTGT
VND	Việt Nam Đồng
VB	Văn bản
VT	Thiết bị biến đổi điện áp

Các đơn vị

TWH	Tera Watt giờ, 1TWh = 1,000 GWh
GW	Giga Watt
GWH	Giga Watt-giờ
MW	Megawatt
MWH	Megawatt-giờ
MVA	Mega Volt Ampere
KW	Kilowatt
KWH	Kilowatt-giờ
KM	Ki-lô-mét
KV	Ki-lô-vôn
m	mét
s	giây

1.

GIỚI THIỆU

1.1. Tổng quan về Việt Nam

Việt Nam là quốc gia có tổng dân số lớn thứ ba trong các nước ASEAN. Kể từ năm 1986, nền kinh tế của Việt Nam đã và đang trải qua một cuộc cải cách - hiện đại hóa và hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Một bộ phận lớn người Việt Nam hiện đang hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 13,96% GDP của cả nước. Khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp khoảng 34,49% vào GDP.⁽¹⁾

Dân số (2019)
96.483.981
GDP danh nghĩa (2019)
6.037,3 nghìn tỉ đồng
GDP danh nghĩa bình quân đầu người (2019)
USD 2.715
Thủ đô
Hà Nội
Tiền tệ
Việt Nam Đồng (VND) (tỉ giá chuyển đổi: USD 1 = VND 23,160 – tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ, ngày 29/01/2021, Văn bản số 29/TB-NHNN của Ngân hàng Nhà nước)

⁽¹⁾ Niên giám thống kê, năm 2020

1.2. Tổng quan về ngành điện của Việt Nam

Để đáp ứng tăng trưởng kinh tế và quy mô dân số, nhu cầu điện của Việt Nam vẫn liên tục tăng. Trong mười năm qua, tốc độ tăng trưởng điện năng trung bình khoảng 10,5%/năm.

Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh) được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 03 năm 2016, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu ước tính đạt khoảng 400 - 431 TWh vào năm 2025, và khoảng 572 - 632 TWh vào năm 2030.

Cho đến cuối năm 2019, tổng công suất điện lắp đặt tại Việt Nam đạt 55.367 MW (chưa tính nhập khẩu từ Trung Quốc và Lào) trong đó thủy điện chiếm 30,63%, nhiệt điện than chiếm 36,61%, điện khí chiếm 13,45%, và phần còn lại được đóng góp bởi nhiệt điện dầu và năng lượng tái tạo.

Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng là nhóm tiêu thụ điện lớn nhất (chiếm 53,77%, tiêu thụ điện của nhóm này năm 2019 là 103.697 GWh). Lĩnh vực quản lý và tiêu dùng dân cư là nhóm tiêu thụ điện đứng thứ hai (chiếm 33,0% cơ cấu điện tiêu thụ, tương đương với 63.629 GWh). Phần còn lại trong cơ cấu tiêu thụ (13,23%) đến từ ngành Thương nghiệp và khách sạn, nông nghiệp và các ngành khác (lần lượt là 10.822GWh; 6.000 GWh và

8.687 GWh).⁽²⁾

Giá bán lẻ điện bình quân liên tục tăng trong những năm qua và đạt mức trung bình là 1.864,44 VND/kWh năm 2019⁽³⁾ (giá trị này chưa bao gồm VAT, tương đương với khoảng 8,05 UScents/kWh).

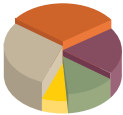
Thị trường điện hiện nay vẫn được chi phối bởi các doanh nghiệp nhà nước và do Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp quản lý giám sát. EVN hiện vẫn là đơn vị mua điện duy nhất; Hệ thống truyền tải điện và phân phối điện được điều hành bởi các công ty thành viên của EVN.

Để nâng cao hiệu quả kinh tế của các nguồn cung cấp điện năng cũng như nhu cầu điện trong nước, Chính phủ đã đặt mục tiêu xây dựng một thị trường điện cạnh tranh. Thị trường này dự kiến sẽ trải qua ba giai đoạn:

- **Thị trường phát điện cạnh tranh (2005 - 2014)** - nhà máy điện thuộc sở hữu tư nhân có thể bán điện cho EVN (Đơn vị mua điện độc quyền)
- **Thị trường bán buôn cạnh tranh (2015 - 2022)** - công ty bán buôn có thể cạnh tranh trong việc mua điện trước khi bán lại cho các nhà phân phối năng lượng
- **Thị trường bán lẻ cạnh tranh (từ 2022)** - người tiêu dùng có thể tự do lựa chọn nhà cung cấp điện cho mình



Phát điện
240,1 GWh



Công suất Lắp đặt
55,367 MW



Truyền tải
8.479 km (500 kV)
18.165 km (220 kV)
23.816 km (110 kV)



Biến áp
34.050 MVA (500 kV)
62.236 MVA (220 kV)
75.614 MVA (110 kV)



Tiêu dùng
192.834 GWh

⁽²⁾ EVNNLDC 2020
⁽³⁾ Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019



1.3. Tổng quan về Năng lượng sinh khối

Chính phủ Việt Nam ưu tiên việc sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất năng lượng. Quy hoạch điện VII điều chỉnh đưa ra cơ cấu sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng điện năng sản xuất đạt khoảng 7% vào năm 2020 và 10% vào năm 2030 (không kể nguồn thủy điện lớn và vừa, thủy điện tích năng). Các cơ chế hỗ trợ và ưu đãi khác nhau cho năng lượng tái tạo cũng đã và đang được Chính phủ xem xét phê chuẩn để hỗ trợ và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực này.

Là một nước nông nghiệp đang phát triển, Việt Nam có tiềm năng năng lượng sinh khối rất lớn, có thể được khai thác để sản xuất năng lượng, đặc biệt là điện năng.

Các nguồn sinh khối có sẵn tại Việt Nam bao gồm phụ phẩm của nông - lâm nghiệp sau khi thu hoạch và sau chế biến như rơm, rạ, trấu, bã mía, vỏ cà phê, xơ dừa, gỗ/ phụ phẩm của gỗ và các sản phẩm phụ của nông/công nghiệp khác.

Theo kết quả nghiên cứu gần đây (2017), tổng lượng chất thải nông nghiệp ước đạt 78,75 triệu tấn (44,97 triệu tấn rơm, 8,99 triệu tấn trấu, 5,96 triệu tấn bã mía và 18,83 triệu tấn các loại phụ phẩm nông nghiệp khác). Đối với gỗ năng lượng, tổng sản lượng đạt xấp xỉ lần lượt 7,05, 7,45, 9,01 và 3,71 triệu tấn từ rừng tự nhiên, rừng trồng, cây phân tán và cây trồng khác tương ứng. Ngoài ra, các phụ phẩm gỗ từ các nhà máy chế biến gỗ

(xưởng cưa và sản xuất đồ nội thất) ước tính đạt 5,35 triệu tấn, trong đó 4,46 và 0,89 triệu tấn tương ứng là phụ phẩm gỗ và mùn cưa.⁽⁴⁾

Mục tiêu phát triển năng lượng sinh khối được đề cập trong Quy hoạch điện lực VII hiệu chỉnh là 1% vào năm 2020 và 2,1% vào năm 2030.

Về cơ chế chính sách hỗ trợ cho phát triển năng lượng sinh khối, năm 2014 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg về cơ chế phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam. Nhằm tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đầu tư phát triển các dự án điện sinh khối nổi lưới, tháng 3 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg. Trong đó có việc hiệu chỉnh cơ chế và giá mua điện. Cụ thể như sau:

- Đối với các dự án đồng phát nhiệt - điện: tăng từ 5,8 UScents/kWh lên 7,03 UScents/kWh
- Đối với các dự án không phải là đồng phát nhiệt - điện: chuyển từ cơ chế chi phí tránh được (với giá bình quân năm 2019 khoảng 7,36 UScents/kWh) sang cơ chế FIT (Feed in Tariff) với giá mua điện là 8,47 UScents/kWh.

Chính phủ và các Bộ ngành đã đưa ra nhiều các cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích như trên nhưng thị trường năng lượng sinh khối tại Việt Nam phát triển vẫn còn những hạn chế. Đến hết niên vụ 2018-2019 mặc dù đã có khoảng 377,6 MW⁽⁵⁾ công suất lắp đặt từ nhà máy đồng phát nhiệt điện sử dụng bã mía tại 35 nhà máy đường bán lượng điện lên lưới điện quốc gia với sản lượng điện ước khoảng 347 GWh nhưng cho đến nay vẫn chưa có một nhà máy nào sử dụng sinh khối chỉ phát điện để bán điện lên lưới điện quốc gia được đầu tư, xây dựng và vận hành.

⁽⁴⁾ Dự thảo Quy hoạch sinh khối quốc gia, Tổng cục năng lượng, 2017
⁽⁵⁾ Điều tra của Tư vấn, năm 2020.

Tiềm năng sinh khối



Trấu

Tiềm năng lý thuyết
8,99 triệu tấn



Rơm

Tiềm năng lý thuyết
44,97 triệu tấn



Bã mía

Tiềm năng lý thuyết
5,96 triệu tấn



Gỗ Năng lượng

Tiềm năng lý thuyết
27,22 triệu tấn

Giá bán điện cho các nhà máy điện sinh khối đồng phát:
1.634 VND/kWh (không bao gồm VAT, tương đương với 7,03 UScents/kWh). Giá bán điện sẽ được điều chỉnh theo biến động tỉ giá hối đoái. Thời hạn của giá bán điện bằng với thời hạn của HĐMBĐ tối đa là 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.



2.

GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI

Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối tại Việt Nam được Dự án Bảo vệ Khí hậu thông qua Phát triển Thị trường Năng lượng Sinh học Bền vững ở Việt Nam (BEM) thuộc Chương trình Hỗ trợ Năng lượng GIZ xây dựng. Sổ tay hướng dẫn này được tư vấn trong nước thực hiện dựa trên những nghiên cứu chuyên sâu, phỏng vấn các bên liên quan và thu thập ý kiến chuyên gia từ Hội thảo chuyên đề.

Phiên bản đầu tiên của cuốn Sổ tay này được Bộ Công Thương và GIZ xuất bản tháng 2/2017. Tuy nhiên, từ đó đến nay đã có nhiều văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung và ban hành như Luật, Nghị định, Thông tư và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ liên quan trực tiếp và gián tiếp đến các trình tự thủ tục trong đầu tư phát triển các dự án năng lượng sinh khối nổi lưới.

Do nhu cầu cần phải phản ánh đầy đủ những thay đổi mang tính pháp lý này, Bộ Công Thương và GIZ tiến hành cập nhật và hiệu chỉnh Sổ tay hướng dẫn đã ban hành tháng 2/2017.



2.1. Mục tiêu

Khi đưa ra quyết định đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sinh khối tại Việt Nam, theo yêu cầu và quy định của các văn bản pháp lý hiện hành, Chủ đầu tư sẽ phải liên hệ với các tổ chức, cơ quan có thẩm quyền các cấp khác nhau để xin cấp các loại giấy tờ như giấy phép, thỏa thuận chuyên ngành, thẩm duyệt...vv. Thông thường, các quy định pháp lý liên quan đến quy trình cấp phép, thẩm duyệt, thỏa thuận chuyên ngành các Dự án đầu tư năng lượng sinh khối nổi lưới nằm rải rác ở các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, có thể phần nào gây khó khăn cho nhà đầu tư trong việc tìm kiếm, tham chiếu và tổng hợp thông tin. Nếu quy trình thực hiện các thủ tục đầu tư này có thể được tổng hợp, liệt kê rõ ràng và hệ thống thì sẽ giúp cho Chủ đầu tư, các Đơn vị tư vấn liên quan thuận tiện hơn trong quá trình tham gia đầu tư và phát triển Dự án.

Do đó, Sổ tay hướng dẫn này được thiết kế với cấu trúc thân thiện, dễ hiểu và sẽ được cập nhật thường xuyên nhằm:

- Mô tả các trình tự thủ tục mà Chủ đầu tư dự án cần thực hiện cho một chu kỳ phát triển dự án năng lượng sinh khối tại Việt nam.
- Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật cần thiết có liên quan, hồ sơ phải nộp, cơ quan/đơn vị liên quan để liên hệ, thủ tục áp dụng để hoàn thành từng bước và giấy phép/đăng ký/thỏa thuận/thẩm định/phê duyệt cần đạt được của mỗi bước.
- Cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn giúp có thể rút ngắn và đơn giản hóa toàn bộ quá trình đầu tư bên cạnh những thông tin lý thuyết.

2.2. Phạm vi

Sổ tay hướng dẫn này mô tả toàn bộ quá trình phát triển dự án năng lượng sinh khối nổi lưới tại Việt Nam sử dụng các phụ phẩm sinh khối từ nông nghiệp và công nghiệp chế biến, gỗ năng lượng và phụ phẩm gỗ cho sản xuất năng lượng. Rác thải rắn đô thị và rác thải công nghiệp được sử dụng để sản xuất năng lượng sẽ không nằm trong phạm vi nghiên cứu của Sổ tay hướng dẫn này.

Bên cạnh đó, Sổ tay này chỉ áp dụng đối với các nhà máy năng lượng sinh khối nổi lưới gồm có: 1) Nhà máy sử dụng sinh khối để sản xuất điện và bán lên lưới điện quốc gia; và 2) Nhà máy sử dụng sinh khối để phát điện (hơi và điện) và bán lượng điện thừa lên lưới điện quốc gia sau khi khấu trừ phần điện tự dùng. Việc phát triển nhà máy năng lượng sinh khối không nổi lưới có rất nhiều điểm khác biệt trên nhiều phương diện khác nhau và sẽ không được đề cập tới trong Sổ tay hướng dẫn.

Ngoài ra, Sổ tay Hướng dẫn phát triển dự án này chỉ bao gồm các thủ tục phát triển dự án tổng thể với các giấy phép, đăng ký, thỏa thuận chuyên ngành và thẩm duyệt cần thiết cho nhà máy điện sinh khối tại Việt Nam từ

việc lựa chọn địa điểm phù hợp cho đến vận hành và bảo dưỡng và tháo dỡ nhà máy. Hướng dẫn này không bao gồm các thông tin về khía cạnh kỹ thuật của dự án chẳng hạn như việc lựa chọn công nghệ và hướng dẫn về việc tính toán hỗn hợp nhiên liệu đầu vào, việc lựa chọn và giám sát tổng thầu EPC cũng như là các khía cạnh kinh tế của khoản đầu tư và hoạt động, chi phí của nguồn đầu vào sinh khối cho nhà máy hay lợi nhuận của khoản đầu tư. Địa điểm chủ đầu tư lựa chọn để xây dựng nhà máy trong phạm vi Sổ tay hướng dẫn này thuộc về nhà nước, địa điểm do một cá nhân sở hữu không thuộc phạm vi của Sổ tay hướng dẫn này. Sổ tay này chỉ hướng dẫn với trường hợp nguồn vốn đầu tư là nguồn vốn khác.

Sổ tay hướng dẫn này chỉ dành cho các Chủ đầu tư lựa chọn hình thức Nhà sản xuất điện độc lập (**IPP**), tổ chức hoặc cá nhân độc lập nước ngoài hoặc địa phương và chỉ dành cho các dự án không sử dụng vốn ODA hay vốn ngân sách nhà nước và không nằm trong các loại hình đầu tư đặc biệt như Đối tác Công Tư (**PPP**) hay Xây dựng và Chuyển giao (**BT**).



2.3. Cách sử dụng Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án năng lượng sinh khối

Tất cả các thủ tục phát triển một dự án năng lượng sinh khối nổi lưới tại Việt Nam được minh họa bằng biểu đồ theo giai đoạn/chu kỳ phát triển dự án theo thời gian. Các bước/hoạt động trong một giai đoạn nhất định mà diễn ra song song sẽ được biểu thị tương ứng nhằm thể hiện một cách tổng quan về toàn bộ quá trình.

Phát triển dự án sinh khối bao gồm bốn giai đoạn phát triển chính. Các bước trong mỗi giai đoạn được trình bày bởi một màu sắc khác nhau nhằm giúp người đọc dễ dàng theo dõi toàn bộ Hướng dẫn. Tất cả giấy phép/đăng ký/thỏa thuận là kết quả của từng bước, được diễn tả bởi màu xanh dương nhạt. Có hai mức độ thông tin được thể hiện trong Sổ tay hướng dẫn – phần tổng quan về quy trình chung và phần mô tả chi tiết các bước trong từng giai đoạn. Phần tổng quan mô tả các bước chính của mỗi giai đoạn phát triển, khung thời gian và các thỏa thuận/giấy phép đạt được. Trong khi đó, phần mô tả chi tiết là một bước cụ thể hơn khi thể hiện tất cả các bước phụ của mỗi giai đoạn bao gồm: mô tả bước phụ, tài liệu pháp lý tham khảo, người chịu trách nhiệm, chính quyền địa phương có liên quan, hồ sơ chuẩn bị và đệ trình, thủ tục áp dụng và khung thời gian.

Sổ tay hướng dẫn cũng trích dẫn tất cả các văn bản pháp luật có liên quan ứng với từng bước trong mỗi giai đoạn khác nhau. Một số những trích dẫn văn bản cụ thể sẽ được đề cập hoặc trích dẫn trong phần phụ lục.

Sổ tay hướng dẫn được xây dựng để cung cấp thông tin chung trong suốt chu kỳ hoạt động của một dự án sinh khối: từ những ý tưởng ban đầu, bước phát triển và lên kế hoạch cho dự án đầu tiên cho đến thực hiện, vận hành và cuối cùng là kết thúc dự án ở cuối vòng đời của nhà máy.

Trong một số trường hợp cụ thể, khi Chủ đầu tư đã có sẵn một số văn bản pháp lý, Chủ đầu tư có thể bỏ qua một số bước trong Sổ tay hướng dẫn này. Chẳng hạn như đối với các dự án điện sinh khối tại các nhà máy đường, Chủ đầu tư đã có đủ điều kiện hợp lệ để kinh doanh tại Việt Nam; đã có sẵn mặt bằng để thực hiện dự án... thì Chủ đầu tư có thể bỏ qua một số bước như Thành lập doanh nghiệp, Lựa chọn địa điểm và có thể cả bước Ký quỹ, Giải phóng mặt bằng. Khi đó, phần mô tả của các bước còn lại trong Sổ tay Hướng dẫn này vẫn sẽ là một nguồn tham khảo hữu ích cho các Chủ đầu tư trong quá trình phát triển dự án.

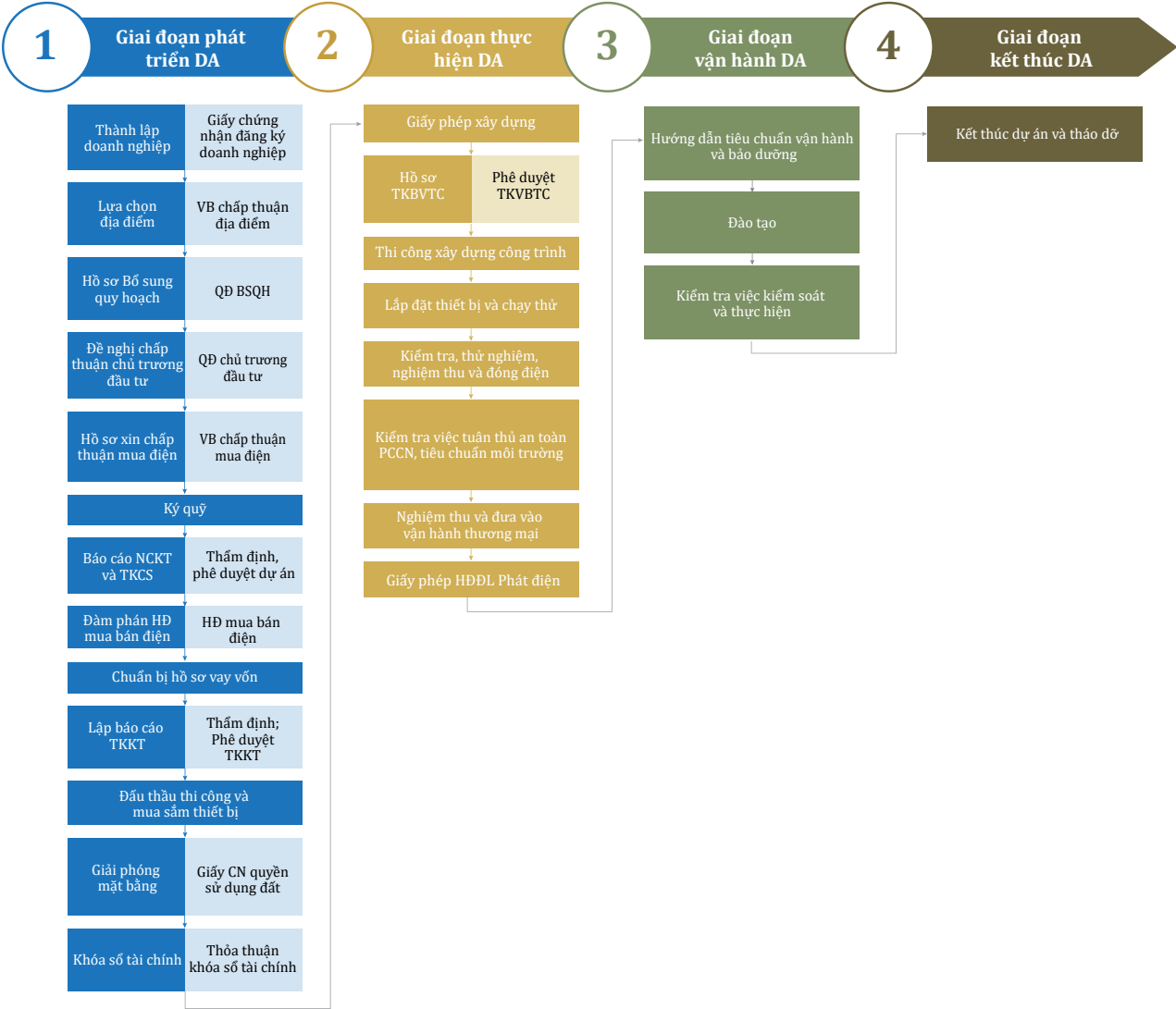




3.

TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI

Quá trình phát triển nhà máy năng lượng sinh khối được chia làm bốn giai đoạn chính: (1) Giai đoạn phát triển (2) Giai đoạn thực hiện, (3) Giai đoạn vận hành và bảo dưỡng, và (4) Giai đoạn kết thúc



3.1. Giai đoạn phát triển dự án

Giai đoạn này bao gồm các hoạt động chuẩn bị trước khi thi công xây dựng nhà máy năng lượng sinh khối. Giai đoạn phát triển bao gồm mười ba (13) bước:

- **Bước 1.** Thành lập doanh nghiệp
- **Bước 2.** Lựa chọn địa điểm
- **Bước 3.** Bổ sung dự án vào Quy hoạch
- **Bước 4.** Lập Hồ sơ đề nghị chấp thuận Chủ trương đầu tư
- **Bước 5.** Hồ sơ xin chấp thuận mua điện
- **Bước 6.** Ký quỹ
- **Bước 7.** Lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở
- **Bước 8.** Hợp đồng mua bán điện (HĐMBĐ)
- **Bước 9.** Chuẩn bị hồ sơ vay vốn
- **Bước 10.** Lập báo cáo Thiết kế kỹ thuật
- **Bước 11.** Đầu thầu thi công và mua sắm thiết bị nhà máy điện
- **Bước 12.** Giải phóng mặt bằng
- **Bước 13.** Khóa sổ tài chính

Trong những bước này, Chủ đầu tư cần đạt được **tám (08)** giấy phép/Quyết định chính sau khi kết thúc giai đoạn này. Những giấy phép/quyết định này gồm có **1) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** để đảm bảo rằng Chủ đầu tư có tư cách pháp lý cho hoạt động kinh doanh trong việc sản xuất và mua bán điện tại Việt Nam; **2) Quyết định** từ cơ quan nhà nước đối với việc bổ sung dự án vào quy hoạch (trong trường hợp Dự án chưa

nằm trong Quy hoạch điện lực); **3) Quyết định chủ trương đầu tư** từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép Chủ đầu tư tiếp tục phát triển và xây dựng nhà máy điện; **4) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư** chỉ áp dụng đối với Chủ đầu tư nước ngoài; **5) Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở** của cơ quan chuyên môn về xây dựng; **6) Hợp đồng mua bán điện** đã ký với EVN quy định về giá mua điện; **7) Văn bản thông báo kết quả thẩm định Thiết kế kỹ thuật** của cơ quan chuyên môn về xây dựng (đối với dự án thực hiện theo 3 bước thiết kế xây dựng); **8) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** được ban hành bởi Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng.

Bên cạnh đó, Chủ đầu tư cũng cần phải đạt được một số thỏa thuận/giấy phép quan trọng khác từ chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước có liên quan như thỏa thuận địa điểm, văn bản chấp thuận mua điện của EVN; một số báo cáo chuyên ngành cần thiết cho báo cáo NCKT như thỏa thuận đấu nối, thỏa thuận SCADA/EMS (DMS), rơ le bảo vệ, thỏa thuận đo đếm điện năng, phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường. Ở giai đoạn này, các Chủ đầu tư cũng phải đưa ra Quyết định đầu tư sau khi nhận được Văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo NCKT (nội dung thiết kế cơ sở) từ cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Giai đoạn thực hiện dự án

Giai đoạn này liên quan đến việc xây dựng nhà máy năng lượng sinh khối cũng như việc có hiệu lực của hợp đồng mua sắm trang thiết bị hoặc hợp đồng của tổng thầu EPC cho toàn bộ các thiết bị của nhà máy như lò hơi, tua bin, máy phát, hệ thống điện và các hệ thống phụ trợ. Trong và sau giai đoạn thực hiện dự án, các thiết bị độc lập và nhà máy năng lượng cần phải được kiểm tra và thử nghiệm trước khi đưa vào vận hành thương mại. Giai đoạn này bao gồm tám (08) bước.

- **Bước 1.** Giấy phép xây dựng
- **Bước 2.** Lập thiết kế bản vẽ thi công
- **Bước 3.** Thi công xây dựng công trình
- **Bước 4.** Lắp đặt thiết bị và chạy thử
- **Bước 5.** Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện
- **Bước 6.** Kiểm tra việc tuân thủ an toàn, phòng chống cháy nổ, tiêu chuẩn môi trường của nhà máy

- **Bước 7.** Nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng
- **Bước 8.** Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện

Ba (03) văn bản chính cần phải đạt được sau khi kết thúc giai đoạn này, gồm: **1) Giấy phép xây dựng** là điều kiện bắt buộc cho phép Chủ đầu tư tiến hành xây dựng nhà máy điện sinh khối; **2. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công** (do Chủ đầu tư phê duyệt) là cơ sở để nhà thầu thi công xây dựng nhà máy, đồng thời bổ sung văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu; **3) Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện** yêu cầu cho hoạt động thương mại của nhà máy điện sinh khối.



3.3. Giai đoạn vận hành và bảo dưỡng dự án

Đây là giai đoạn quan trọng nhất về mặt sản xuất năng lượng và tạo ra doanh thu từ khoản đầu tư ban đầu. Nhà máy năng lượng cần phải được vận hành và duy trì một cách phù hợp để đảm bảo hoạt động vận hành tin cậy và thông suốt. Có ba bước trong giai đoạn này.

- **Bước 1.** Hướng dẫn tiêu chuẩn vận hành và bảo dưỡng
- **Bước 2.** Đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành nhà máy
- **Bước 3.** Kiểm tra việc kiểm soát và thực hiện

Nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả, an toàn và thông suốt trong quá trình vận hành thương mại, Chủ đầu tư

sẽ yêu cầu nhà sản xuất và cung cấp thiết bị cung cấp các tài liệu vận hành và bảo dưỡng cũng như thực hiện các khóa đào tạo cho nhân viên. Tùy thuộc vào quy mô và nhu cầu, các khóa đào tạo này có thể được tổ chức theo nhiều phương pháp khác nhau bao gồm cả đào tạo lý thuyết và đào tạo trực tiếp trong công việc. Bên cạnh đó, Chủ đầu tư cũng cần thuê một cơ sở đào tạo chuyên nghiệp thực hiện việc đánh giá nhu cầu đào tạo cho nhân viên trước và sau khi nhà máy đi vào hoạt động. Chủ đầu tư nên có cán bộ vận hành chủ chốt tại nhà máy khi thi công xây dựng bắt đầu để đảm bảo cán bộ này hiểu mọi chi tiết của nhà máy.

3.4. Giai đoạn kết thúc dự án và tháo dỡ

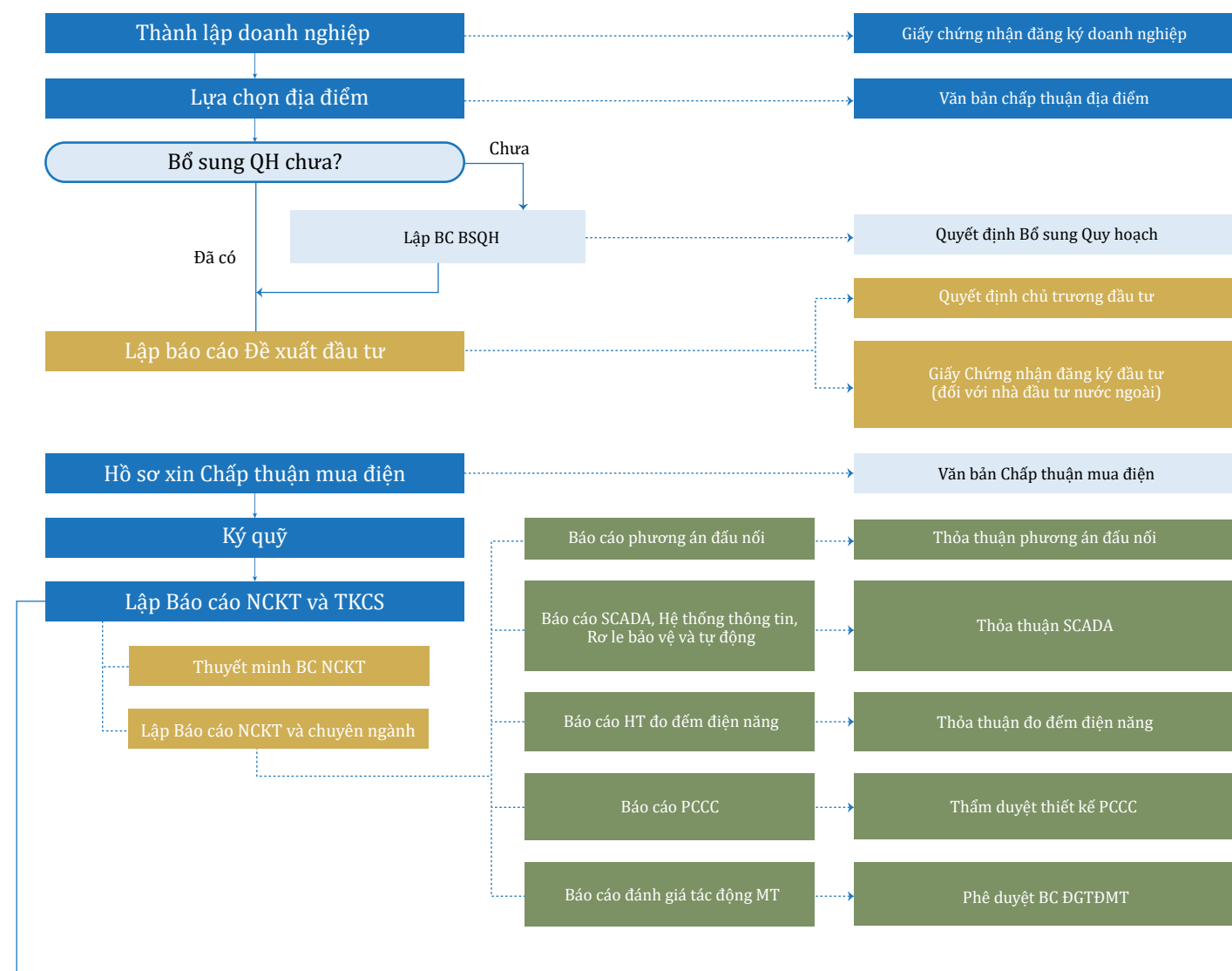
Tùy vào từng trường hợp, nhà máy điện sẽ được nâng cấp, sửa chữa hoặc dừng khai thác sử dụng. Trong trường hợp dừng khai thác sử dụng, các hạng mục công trình sẽ được di dời và địa điểm dự án sẽ phải được khôi phục nguyên trạng sử dụng đất.



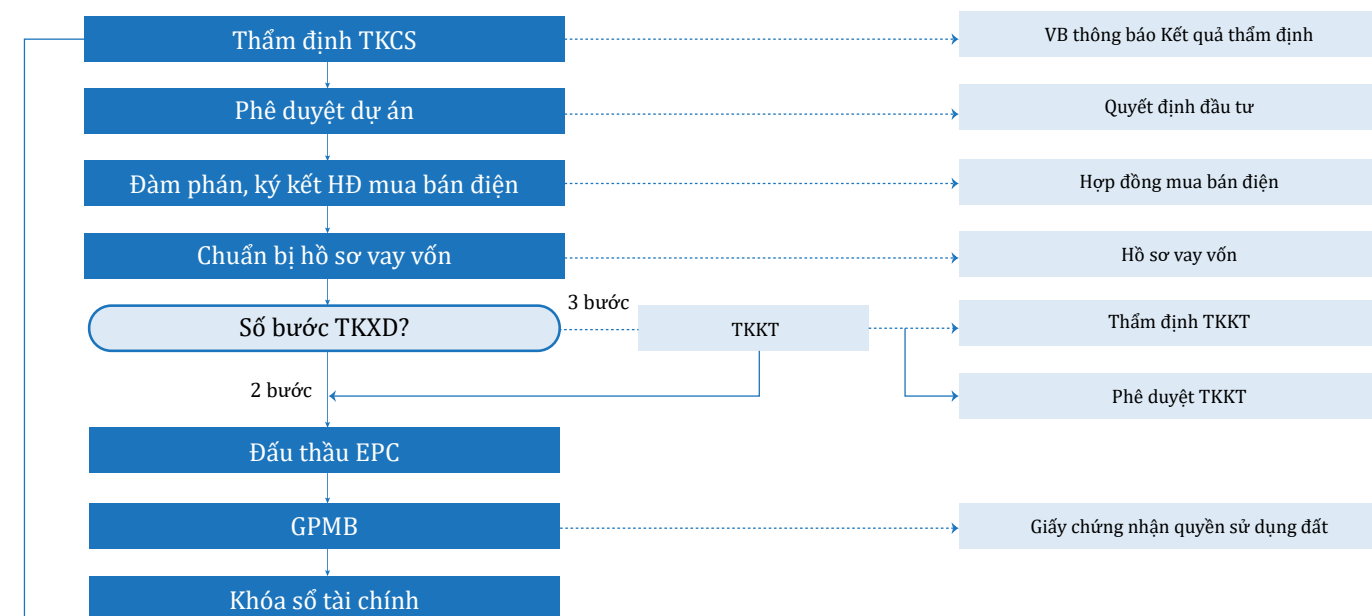


4.

CHI TIẾT GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NĂNG
LƯỢNG SINH KHỐI



Chi tiết Giai đoạn phát triển dự án năng lượng sinh khối



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.1	Thành lập doanh nghiệp
Mô tả	Chủ đầu tư cần đảm bảo có đủ điều kiện về mặt pháp lý để tham gia hoạt động trong lĩnh vực phát điện. Nếu Chủ đầu tư chưa thành lập doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phát điện thì cần thiết phải thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Tùy theo loại hình doanh nghiệp mà chủ đầu tư muốn thành lập (như doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) thì việc chuẩn bị hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ có những yêu cầu cụ thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành. Trong trường hợp các công ty của Chủ đầu tư đã có đủ điều kiện hợp lệ để kinh doanh tại Việt Nam nhưng trong giấy phép đăng ký kinh doanh hiện có không bao gồm hoạt động điện lực, thì Chủ đầu tư cần phải thực hiện việc bổ sung ngành nghề kinh doanh nhằm đảm bảo có đủ tư cách pháp lý thực hiện các bước tiếp theo để đầu tư dự án về điện.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có quyền thành lập doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện từ nguồn sinh khối nổi lười, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, điều 17, Luật Doanh nghiệp.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/01 năm 2021 về đăng ký doanh nghiệp. - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2015 Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 01/12/2015 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 08/01/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Chủ đầu tư. - Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở KH&ĐT.
Hồ sơ cần nộp	Đối với trường hợp đăng ký mới: Nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được quy định tại Điều 19, 20, 21, 22 Luật Doanh nghiệp cho từng loại doanh nghiệp cụ thể. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh: Doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký. Nội dung Thông báo bao gồm: - Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp, mã số thuế). - Ngành, nghề đăng ký bổ sung hoặc thay đổi. - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần và của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh. Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được thay đổi trong Điều lệ công ty.
Trình tự thủ tục	Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/hồ sơ thay đổi ngành nghề kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.1	Thành lập doanh nghiệp
Trình tự thủ tục	2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ; 3. Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản trong hồ sơ sau khi được số hóa vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; 4. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.
Thời gian dự kiến	Ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ hợp lệ.
Chi phí	Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề kinh doanh áp dụng theo quy định hiện hành: Thông tư số 47/2019/TT-BCT Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.2	Lựa chọn địa điểm
Mô tả	Trong bước này, Chủ đầu tư sẽ phải thực hiện một số hoạt động như nghiên cứu tại văn phòng và khảo sát các địa điểm tiềm năng. Đầu tiên, Chủ đầu tư sẽ thu thập dữ liệu liên quan tới các nguồn năng lượng sinh khối (từ Sở NN&PTNT) và QHPTĐL của quốc gia/tỉnh (từ Sở CT), quy hoạch sử dụng đất (từ Sở TN&MT) và quy hoạch/kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (từ Sở KH&ĐT) ở những vùng có tiềm năng lớn về nguyên liệu sinh khối để đảm bảo sự hài hòa và tương thích trong việc triển khai xây dựng nhà máy điện sinh khối với sự phát triển của tỉnh. Sau đó, Chủ đầu tư sẽ tiến hành khảo sát thực địa nhằm đánh giá về cơ sở hạ tầng như nguồn nước, đường giao thông, lưới điện sẵn có, dân cư xung quanh và nguồn sinh khối tiềm năng. Kết thúc bước này, Chủ đầu tư cần ký được Hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp sinh khối. Kết thúc bước phụ này, Chủ đầu tư nên có được những thông tin dưới đây: • Quyền và cơ cấu sở hữu của đất và đường giao thông; quyền xây dựng đường dây tải điện trên diện tích đất định chọn. • Khu vực của mảnh đất, rừng tự nhiên bảo tồn/ rừng trồng. • Nguồn nước cho hệ thống làm mát của nhà máy. • Sự sẵn có của hệ thống viễn thông. • Điều kiện địa chất để xây dựng nhà máy. • Đối với trường hợp hệ thống đồng phát được thay mới hoàn toàn: diện tích phù hợp để xây dựng nhà máy mới. • Điều kiện của hệ thống đường giao thông; tải trọng tối đa của cầu. • Điều kiện của hệ thống lưới điện; công suất lưới điện và nghiên cứu tác động của nhà máy đối với lưới điện nên được bắt đầu thực hiện. • Điện và nước cho quá trình thi công xây dựng và vận hành nhà máy.

Điều kiện áp dụng	• Tất cả các dự án điện sinh khối nổi lưới.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• QHPTĐL tỉnh và quốc gia. • Quy hoạch phát triển năng lượng sinh khối tỉnh, vùng và quốc gia (nếu có). • Quy hoạch sử dụng đất tỉnh. • Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội tỉnh.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Tuỳ thuộc vào từng dự án cụ thể.
Chi phí	Không áp dụng.
Lưu ý	Chủ đầu tư nên tiến hành khảo sát địa điểm tiềm năng để đảm bảo sự phù hợp địa điểm cho việc phát triển dự án. Khảo sát địa điểm cho phép Chủ đầu tư có thể điều tra kỹ lưỡng một số khía cạnh, ví dụ như đường giao thông, tình trạng lưới điện, lấy mẫu sinh khối... Chủ đầu tư nên tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương cấp xã/ huyện trong quá trình khảo sát để nhận được sự hỗ trợ cần thiết trong quá trình thực hiện hoạt động này.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.2.1	Đánh giá nguồn nguyên liệu đầu vào và Biên bản ghi nhớ với nhà cung cấp sinh khối
Mô tả	Chủ đầu tư cần phải thu thập dữ liệu về tiềm năng nguồn cung cấp sinh khối địa phương cho các địa điểm tiềm năng và đáng tin cậy nhất cho quá trình phát triển dự án. Hoạt động này có vai trò rất quan trọng bởi vì nguồn cung cấp sinh khối là yếu tố quan trọng nhất đối với các dự án năng lượng sinh khối nhằm đảm bảo nguồn cung đủ cho toàn bộ vòng đời dự án và giúp dự án có thể vay vốn được của ngân hàng. Trong bước này, loại sinh khối, khả năng cung cấp và chất lượng của nguồn sinh khối cũng cần phải được đánh giá. Để đánh giá chất lượng nguồn sinh khối, Chủ đầu tư nên lấy mẫu và phân tích mẫu ở phòng thí nghiệm được chứng nhận. Kết thúc bước này, Chủ đầu tư sẽ có thể ký được một hợp đồng khung/ biên bản ghi nhớ với các nhà cung cấp nguyên liệu sinh khối tiềm năng. 1. Chủ đầu tư nên chuẩn bị một danh sách chi tiết các nhà cung cấp sinh khối tiềm năng/ dự án năng lượng sinh khối cạnh tranh trong khu vực; phân tích tổng tiềm năng các nguồn sinh khối/ cạnh tranh cần phải xem xét đến các mục đích sử dụng khác như cho gia súc và công nghiệp; 2. Xây dựng các kịch bản chi phí sinh khối cho các trường hợp cơ sở/tốt nhất/kém nhất dựa trên các thông số khác nhau, chủ yếu là giá trị nhiệt trị thấp (LHV); 3. Tính sẵn có của các loại sinh khối theo mùa do đặc điểm của các loại sinh khối có thể thay đổi theo mùa, các vấn đề về lưu trữ (trên cánh đồng/ bên cạnh nhà máy) cần phải được xem xét; 4. Phần tro nên được tận dụng quay trở lại cánh đồng cho mục đích nhằm tránh các tác động lâu dài đến đặc điểm dinh dưỡng trong đất, phân bón và các lớp mùn; 5. Tro được sinh ra như phụ phẩm của quy trình sản xuất năng lượng, xem xét đến người mua điện tiềm năng và giá trị thị trường của sinh khối; 6. Thỏa thuận về biên bản ghi nhớ với nhà cung cấp nguồn nguyên liệu sinh khối để đảm bảo chất lượng, số lượng và chi phí phát sinh khối trong suốt vòng đời dự án; 7. Biên bản ghi nhớ cung cấp nguồn nguyên liệu sinh khối cần dựa trên việc thanh toán theo giá trị năng lượng và dung tích thuần (độ ẩm, tro, đá cần phải bị loại trừ).

Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lười.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Phụ thuộc vào từng dự án cụ thể.
Chi phí	Không áp dụng.
Lưu ý	Chủ đầu tư cũng nên tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương như Sở NN & PTNT, cộng đồng địa phương, Sở CT tỉnh để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của dữ liệu thu thập được. Chủ đầu tư nên tiếp cận những người có khả năng cung cấp nguồn sinh khối đầu vào cho nhà máy như nông dân và các doanh nghiệp (nguồn sinh khối dư thừa như bã mía, trấu, rơm và phế thải từ nhà máy chế biến gỗ và sản phẩm nông nghiệp, xay xát...).

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.2.2	Hậu cần và vận chuyển nguồn nguyên liệu
Mô tả	Song song với bước phụ A.2.1, Chủ đầu tư sẽ phân tích phương án vận chuyển sinh khối tới địa điểm dự án sinh khối được lựa chọn, hệ thống đường giao thông và chi phí vận chuyển và cơ sở lưu trữ tập trung cho nguồn nguyên liệu sinh khối. Chủ đầu tư nên tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương như UBND tỉnh, Sở NN & PTNT, Sở CT, Sở GTVT, Sở TN & MT, Phòng TN&MT cấp huyện/xã, cộng đồng địa phương để đảm bảo sự tương thích của dự án với chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh, đặc biệt là về vấn đề vận chuyển, để lựa chọn phương án vận chuyển phù hợp nhất. Thông tin liên quan đến phương tiện/ các lựa chọn phương thức vận tải thay thế cũng như chi phí liên quan phải được bao gồm trong bản báo cáo đầu tư và báo cáo thiết kế cơ sở. Nghiên cứu/ đánh giá tác động của việc vận chuyển nguồn nguyên liệu sinh khối bao gồm: • Diện tích lưu vực, bán kính và mật độ sinh khối. • Hậu cần cho xe tải/thuyền ghe, tải trọng và giao thông. • Chi phí vận chuyển sinh khối theo đơn vị tự nhiên (đồng/tấn) (có và không có độ ẩm), theo đơn vị năng lượng thuần tương ứng với giá trị nhiệt trị thấp (LHV) (đồng/MJ) và điện năng được sản xuất (đồng/MWh). • Các kịch bản cơ sở/thấp/cao của chi phí vận chuyển sinh khối. • Cơ sở lưu trữ tập trung tiềm năng. • Điều kiện giao thông trong mùa mưa.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án sinh năng lượng khối nổi lưới.

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Phụ thuộc vào từng dự án cụ thể.
Chi phí	Không áp dụng.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.2.3	Văn bản thoả thuận địa điểm dự án đầu tư
Mô tả	Đối với địa điểm mà Chủ đầu tư đã lựa chọn, Chủ đầu tư cần phải có Văn bản thoả thuận địa điểm do cơ quan có thẩm quyền ký ban hành để thực hiện các bước tiếp theo như lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập hồ sơ bảo vệ môi trường, hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... Văn bản này là cơ sở để chủ đầu tư lập dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Xây dựng và các quy định khác có liên quan.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lười.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 hợp nhất Luật Đất đai về việc hợp nhất Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và Luật số 35/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. - Thủ tục cho phép khảo sát địa điểm đầu tư để lập dự án đầu tư theo quy định cụ thể của từng tỉnh.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Chủ đầu tư. - UBND tỉnh. - Sở Tài nguyên Môi trường.
Hồ sơ cần nộp	- Công văn xin địa điểm đầu tư dự án. - Báo cáo đánh giá sơ bộ địa điểm dự án, Báo cáo nền bao gồm các nội dung chính sau:

- Thông tin chung về dự án năng lượng sinh khối ví dụ như chủ đầu tư, công suất dự án...;
- Tiêu chí đánh giá lựa chọn địa điểm: nguồn nhiên liệu sinh khối; nguồn điện; nguồn nước, điểm xả nước thải;
- Hiện trạng nguồn sinh khối trong vùng: trữ lượng và số lượng; sản lượng thực tế; khả năng cung cấp; các phương án vận chuyển và hậu cần;
- Thông tin danh sách ngăn các địa điểm dự án được lựa chọn

Mỗi địa điểm được xem xét cho dự án cần có các thông tin sau: mô tả địa điểm; phương án cung cấp nguyên liệu sinh khối; Phương án đặt trạm điện đến nguồn điện, nguồn nước và điểm xả thải.

- Đánh giá thuận lợi và khó khăn của mỗi địa điểm (phân tích SWOT);
- Kết luận và khuyến nghị về việc lựa chọn địa điểm.

- Hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp sinh khối được chuẩn bị trong bước A.2.1.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.2.3	Văn bản thoả thuận địa điểm dự án đầu tư
Trình tự thủ tục	Theo Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì UBND tỉnh là cơ quan quyết định về việc giao đất. Sở TN&MT là cơ quan tiếp nhận Hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai. - Chủ đầu tư nộp hồ sơ xin giao đất để thực hiện đầu tư dự án. Hồ sơ xin giao đất phải thể hiện được điều kiện về năng lực tài chính của Chủ đầu tư để đảm bảo việc sử dụng đất theo tiến độ dự án theo quy định trong Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Căn cứ hồ sơ của Chủ đầu tư, Sở TN&MT sẽ tiến hành các biện pháp thẩm tra hồ sơ, xin ý kiến của các Bộ, Ngành liên quan trước khi gửi ý kiến bằng văn bản tới UBND tỉnh để ra quyết định giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện đầu tư dự án; - Ngay sau khi có văn bản đồng ý giao đất thực hiện đầu tư dự án của UBND tỉnh, Chủ đầu tư có thể tiến hành các bước khảo sát, chuẩn bị mặt bằng theo quy định cụ thể của từng tỉnh và phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành các bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Việc thông báo thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sẽ được thực hiện trên phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của địa phương và niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi có đất, tại địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư có đất thu hồi.
Thời gian dự kiến	Không quá hai mươi (20) ngày kể từ thời điểm tiếp nhận Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tới khi ra quyết định giao đất. Trong trường hợp phải xin ý kiến và thẩm tra thì khoảng thời gian trên không quá ba mươi (30) ngày.
Chi phí	Phí hành chính: theo qui định của tỉnh.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.3	Lập báo cáo bổ sung dự án vào Quy hoạch
Mô tả	Phát triển các dự án điện sinh khối được thực hiện theo quy hoạch. Việc lập, thẩm định, phê duyệt bổ sung dự án điện sinh khối vào quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch. Nội dung của báo cáo bổ sung dự án vào Quy hoạch bao gồm: - Cơ sở pháp lý và sự cần thiết bổ sung quy hoạch; - Quy mô, tiến độ và các thông số chính của dự án cần bổ sung quy hoạch; - Đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung dự án đối với lưới điện của tỉnh/khu vực khi xuất hiện dự án; - Các giải pháp đồng bộ về nguồn, lưới điện khu vực cần điều chỉnh để đảm bảo cung cấp điện; - Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Kết luận và kiến nghị.
Điều kiện áp dụng	Dự án năng lượng sinh khối nối lưới chưa có trong Quy hoạch.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017. - Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch. - Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.3	Lập báo cáo bổ sung dự án vào Quy hoạch
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. - Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh QHPTĐL. - Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam; Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg. Văn bản hợp nhất số 51/VBHN-BCT ngày 05/5/2020 của Bộ Công Thương về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam, hợp nhất Quyết định 24/2014/QĐ-TTg và Quyết định 08/2020/QĐ-TTg. - Thông tư số 44/2015/TT-BCT ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án, Biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối; Thông tư số 16/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 07/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2015/TT-BCT.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	Chủ đầu tư/Tư vấn.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.

Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Từ bốn trăm (45) đến sáu mươi (60) ngày.
Chi phí	Theo Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.3.1	Phê duyệt bổ sung dự án vào Quy hoạch phát triển điện lực
Mô tả	Căn cứ theo hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào Quy hoạch của Chủ đầu tư, Bộ Công Thương tổ chức thẩm định bổ sung dự án điện sinh khối nối lưới vào quy hoạch. Phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch theo phân cấp/hoặc ủy quyền.
Điều kiện áp dụng	Dự án năng lượng sinh khối chưa có trong quy hoạch.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh QHPTĐL. - Văn bản hợp nhất số 51/VBHN-BCT ngày 05/5/2020 của Bộ Công Thương về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam, hợp nhất Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam và Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Bộ Công Thương tổ chức thẩm định bổ sung dự án điện sinh khối vào quy hoạch. - Phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch theo phân cấp/hoặc ủy quyền.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án vào quy hoạch bao gồm: - Văn bản về sự cần thiết điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Chủ đầu tư; - Năm (05) bộ hồ sơ bổ sung quy hoạch (được lập ở bước A.3);

	- Văn bản thống nhất của UBND tỉnh về vị trí quy hoạch, địa điểm công trình điện sinh khối nối lưới đề xuất bổ sung quy hoạch; - Các văn bản chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm kỹ thuật của Chủ đầu tư và các văn bản khác liên quan (nếu cần thiết).
Trình tự thủ tục	Trình tự phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch - Văn bản đề nghị bổ sung dự án vào quy hoạch kèm hồ sơ gửi Cục Điện lực và NLTT, Bộ Công Thương; - Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản và hồ sơ, Cục Điện lực và NLTT, Bộ Công Thương có Văn bản yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ bổ sung quy hoạch chưa đầy đủ, hợp lệ; - Trong thời hạn chín mươi (90) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Điện lực và NLTT, Bộ Công Thương tổ chức tiến hành thẩm định; - Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi Hồ sơ bổ sung quy hoạch được bổ sung, hoàn chỉnh, Cục Điện lực và NLTT chịu trách nhiệm dự thảo tờ trình và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định. Việc phê duyệt dự án bổ sung vào quy hoạch thực hiện theo phân cấp hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.
Thời gian dự kiến	Căn cứ theo hồ sơ.
Chi phí	Không áp dụng.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.4	Lập Hồ sơ đề nghị chấp thuận Chủ trương đầu tư (nếu có)
Mô tả	Ngay sau khi dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực, Chủ đầu tư lập Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh cấp quyết định Chủ trương đầu tư. Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
Điều kiện áp dụng	Các dự án năng lượng sinh khối nổi lười.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Điều 33. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	Chủ đầu tư/Tư vấn.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm: a. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; b. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; c. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; d. Đề xuất dự án đầu tư. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;

Hồ sơ cần nộp	e. Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; f. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; g. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; h. Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).
Thời gian dự kiến	Khoảng ba mươi (30) đến bốn mươi (45) ngày.
Chi phí	Theo Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.4.1	Quyết định Chủ trương đầu tư (nếu có)
Mô tả	Sau khi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đáp ứng mọi yêu cầu, UBND tỉnh sẽ cấp Quyết định chủ trương đầu tư cho chủ đầu tư. Chấp thuận chủ trương đầu tư là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án; nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư và các cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án đầu tư năng lượng sinh khối nổi lưới.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Điều 36. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Sở KH&ĐT. - UBND cấp tỉnh.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư số 61.
Trình tự thủ tục	- Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư được gửi cho cơ quan đăng ký đầu tư. Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư phải thông báo kết quả cho nhà đầu tư; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến nội dung thẩm định quy định tại Điều 33 của Luật Đầu tư;

	- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định quy định tại Điều 33 của Luật Đầu tư, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật Đầu tư.
Chi phí:	Không áp dụng.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.4.2	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
Mô tả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là văn bản/bản điện tử ghi nhận thông tin đăng ký của Chủ đầu tư về dự án đầu tư. Giấy chứng nhận này sẽ được cơ quan đăng ký đầu tư cấp sau khi dự án nhận được quyết định chủ trương đầu tư. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bao gồm: - Tên dự án đầu tư; - Nhà đầu tư; - Mã số dự án đầu tư; - Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; - Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; - Vốn đầu tư của dự án đầu tư (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động); - Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; - Tiến độ thực hiện dự án đầu tư; - Hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và căn cứ, điều kiện áp dụng (nếu có); - Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có). Khi có nhu cầu thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Chủ đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Điều 41 Luật Đầu tư số 61, Điều 35 và Điều 36, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.
Điều kiện áp dụng	- Dự án đầu tư năng lượng sinh khối của Chủ đầu tư nước ngoài. - Dự án đầu tư năng lượng sinh khối của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên.

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Mục 3. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế: đối với dự án đầu tư năng lượng sinh khối thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. - Sở KH&ĐT: đối với các trường hợp còn lại.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Sau khi Chủ đầu tư nhận được Quyết định chủ trương đầu tư từ UBND tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
Thời gian dự kiến	Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.
Chi phí	Không áp dụng.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.5	Hồ sơ xin Chấp thuận mua điện
Mô tả	Chủ đầu tư được khuyến khích chuẩn bị hồ sơ để lấy được Văn bản Chấp thuận mua điện từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Đây là văn bản chấp thuận về chủ trương mua điện của EVN với Chủ đầu tư điện sinh khối và là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng cho Chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo của dự án. Văn bản chấp thuận mua điện bao gồm các nội dung sau: 1. Chấp thuận về chủ trương mua điện của EVN/PC; 2. Các vấn đề cần lưu ý đối với Chủ đầu tư khi triển khai thực hiện dự án; 3. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận mua điện kể từ ngày ký văn bản cho đến khi Chủ đầu tư hoàn thành ký kết HĐMBĐ với EVN/PC, trừ trường hợp EVN/PC có ý kiến khác đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.
Điều kiện áp dụng	• Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lưới đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư hoặc/và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Quyết định số 373/QĐ-EVN ngày 27/3/2019 của EVN về việc ban hành quy trình đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị Chấp thuận mua điện bao gồm: 1. Văn bản của Chủ đầu tư đề nghị bán điện cho EVN/PC; Các thông tin sơ bộ về dự án: Địa điểm xây dựng; mục tiêu dự án; các thông số chính về qui mô công suất, vốn đầu tư, thời điểm vận hành, tiến độ dự kiến thực hiện; các nội dung liên quan đến quy hoạch ngành và địa phương;

	2. Bản sao các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án, bao gồm: các tài liệu liên quan đến quy hoạch của nhà máy điện và các công trình điện có liên quan đến nhà máy điện.
Trình tự thủ tục	• Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận mua bán đến EVN. • EVN có trách nhiệm xem xét, yêu cầu làm rõ Hồ sơ đề nghị Chấp thuận mua điện của Chủ đầu tư và có văn bản trả lời về việc EVN chấp thuận hay không chấp thuận mua điện của dự án.
Thời gian dự kiến	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Chi phí	Không áp dụng.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.6	Ký quỹ
Mô tả	Theo Luật Đầu tư, Chủ đầu tư phải ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ngay sau khi nhận được Quyết định chủ trương Đầu tư. Quyết định chủ trương Đầu tư chỉ có giá trị sau khi Chủ đầu tư nộp khoản ký quỹ này. Việc ký quỹ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Cơ quan đăng ký đầu tư và Chủ đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Mức ký quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư (không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chi phí xây dựng các công trình công cộng theo khoản 4 của Nghị định 118/2015/NĐ-CP) của dự án đầu tư theo nguyên tắc lũy tiến từng phần như sau: a. Đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng, mức ký quỹ là 3%; b. Đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 2%; c. Đối với phần vốn trên 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 1%. Các dự án năng lượng sinh khối thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư nên có thể được giảm 50% số tiền ký quỹ. Chủ đầu tư được hoàn trả tiền ký quỹ theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14: Điều 43. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

	- Quy định ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. - Và các Nghị định, Thông tư khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (sau khi ban hành).
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Chủ đầu tư. - Sở KH&ĐT.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.6	Ký quỹ
Trình tự thủ tục	Quy trình thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư điển hình: 1. Chủ đầu tư thực hiện thủ tục thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư với Sở KH&ĐT. (theo Biểu mẫu Văn bản thỏa thuận ký quỹ); 2. Căn cứ trên văn bản thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư giữa Chủ đầu tư và Sở KH&ĐT, Chủ đầu tư nộp tiền ký quỹ vào tài khoản của Sở KH&ĐT mở tại ngân hàng thương mại; 3. Sau khi nộp tiền ký quỹ vào tài khoản của Sở KH&ĐT tại ngân hàng thương mại (Có giấy xác nhận của Ngân hàng Thương mại), Chủ đầu tư thông báo với Sở KH&ĐT; 4. Sở KH&ĐT thông báo về việc Chủ đầu tư đã thực hiện ký quỹ cho Sở TN&MT để xác nhận, làm cơ sở thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.
Lưu ý	Quy trình thực hiện ký quỹ tại một số tỉnh được quy định khác nhau.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Mô tả	Báo cáo nghiên cứu khả thi (NCKT) đầu tư xây dựng là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi và hiệu quả của việc đầu tư xây dựng theo phương án thiết kế cơ sở được lựa chọn, làm cơ sở xem xét, quyết định đầu tư xây dựng. Việc lập Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng phải tuân theo quy định của Luật Xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Mỗi nội dung trong báo cáo NCKT sẽ được sử dụng để xin giấy phép/thỏa thuận và giấy chứng nhận cần thiết để phát triển dự án. Nội dung Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng được quy định theo Điều 54, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 sửa đổi năm 2020. Thông thường các nội dung này sẽ được biên chế thành các báo cáo như sau: - Thuyết minh Báo cáo NCKT; - Thiết kế cơ sở (TKCS); - Thuyết minh TKCS; - Bản vẽ TKCS; - Các báo cáo chuyên ngành; - Báo cáo phương án đấu nối; - Báo cáo SCADA, Hệ thống thông tin, Rơ le bảo vệ và tự động; - Báo cáo hệ thống đo đếm điện năng; - Báo cáo PCCC; - Báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Báo cáo di dân, đền bù, tái định cư. Và một số báo cáo chuyên ngành khác (như báo cáo địa hình địa chất, báo cáo khí tượng thủy văn...)

Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã có Quyết định chủ trương đầu tư.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014: Điều 52, 54; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Chủ đầu tư. - Tư vấn.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Khoảng chín mươi (90) đến một trăm hai mươi (120) ngày tùy từng dự án cụ thể.
Chi phí	Theo hợp đồng tư vấn lập báo cáo NCKT đầu tư xây dựng giữa Chủ đầu tư và tư vấn. Định mức chi phí tư vấn lập báo cáo NCKT có thể tham khảo tại Thông tư số 16/2019/TT-BXD, ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.1	Lập Báo cáo và thoả thuận phương án đấu nối
Mô tả	Thoả thuận phương án đấu nối là thoả thuận giữa Chủ đầu tư và đơn vị truyền tải điện hoặc đơn vị phân phối điện về việc đấu nối nhà máy điện vào lưới điện truyền tải hoặc lưới điện phân phối theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BCT hoặc Thông tư số 39/2019/TT-BCT.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Quyết định số 373/QĐ-EVN ngày 27/3/2019 của EVN về việc ban hành quy trình đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam. - Thông tư số 42/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 01/12/2015 quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện. - Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện truyền tải (cấp điện áp trên 110kV): ✓ Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ CT về việc “Quy định hệ thống điện truyền tải”; Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT và Thông tư số 39/2015/TT-BCT. - Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện phân phối (cấp điện áp đến 110kV): ✓ Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ CT ngày 18/11/2015 Quy định hệ thống điện phân phối; Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT và Thông tư số 39/2015/TT-BCT.

Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Đơn vị truyền tải điện: Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện truyền tải. - Đơn vị phân phối điện: Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện phân phối.
Hồ sơ cần nộp	- Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện truyền tải, Chủ đầu tư gửi hồ sơ cho Đơn vị truyền tải điện, bao gồm: - Văn bản đề nghị đấu nối, kèm theo các nội dung theo mẫu quy định tại các Phụ lục 1A, 1B, ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BCT; - Các tài liệu kỹ thuật về các trang thiết bị dự định đấu nối hoặc các thay đổi dự kiến tại điểm đấu nối hiện tại; - Thời gian dự kiến hoàn thành dự án, số liệu kinh tế - kỹ thuật của dự án đấu nối mới hoặc thay đổi đấu nối hiện tại. - Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện phân phối, Chủ đầu tư gửi hồ sơ cho Đơn vị phân phối điện, bao gồm: - Thông tin đăng ký đấu nối tương ứng với nhu cầu đấu nối quy định tại các Phụ lục 2B, 2C, 2D ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BCT; - Sơ đồ nguyên lý các thiết bị điện chính sau điểm đấu nối; - Tài liệu kỹ thuật về các trang thiết bị dự định đấu nối hoặc các thay đổi dự kiến tại điểm đấu nối hiện tại, thời gian dự kiến hoàn thành dự án, số liệu kỹ thuật của dự án đấu nối mới hoặc thay đổi đấu nối hiện tại.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.1	Lập Báo cáo và thoả thuận phương án đấu nối
Trình tự thủ tục	- Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện truyền tải (Điều 43, Thông tư số 25/2016/TT-BCT và Mục 2, Quyết định số 373/QĐ-EVN): - Chủ đầu tư gửi Hồ sơ thoả thuận Phương án đấu nối cho Đơn vị truyền tải điện gồm bốn (04) bản in giấy và bản mềm; - Đơn vị truyền tải điện chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, đánh giá hồ sơ và dự thảo thoả thuận phương án đấu nối. - Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện phân phối (Điều 44, Thông tư số 39/2015/TT-BCT và mục 2, Quyết định số 373/QĐ-EVN): - Chủ đầu tư gửi hồ sơ cho Đơn vị phân phối; - Đơn vị phân phối điện có trách nhiệm kiểm tra và thông báo bằng văn bản về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; - Đơn vị phân phối điện chủ trì và phối hợp với Cấp điều độ xem xét, đánh giá hồ sơ và dự thảo thoả thuận Phương án đấu nối.
Thời gian dự kiến	- Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện truyền tải: không quá năm mươi lăm (55) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ (Điều 44, Thông tư số 25/2016/TT-BCT và mục 2, Quyết định số 373/QĐ-EVN). - Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện phân phối: không quá hai mươi lăm (25) ngày làm việc (Điều 45, Thông tư số 39/2015/TT-BCT).



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.2	Lập Báo cáo và thoả thuận Hệ thống SCADA/EMS (hoặc SCADA/DMS), Hệ thống thông tin điều độ, Rơ le bảo vệ và tự động
Mô tả	Thoả thuận SCADA/EMS (SCADA/EMS), hệ thống thông tin điều độ, Rơ le bảo vệ và tự động là thoả thuận giữa Chủ đầu tư và đơn vị điều độ hệ thống điện về thiết kế kỹ thuật hệ thống SCADA/EMS (SCADA/EMS), hệ thống thông tin điều độ. Rơ le bảo vệ và tự động theo quy định tại Thông tư 39/2015/TT-BCT hoặc Thông tư 25/2016/TT-BCT. Thoả thuận này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng mua bán điện mẫu và là một trong những nội dung chính trong việc đàm phán, ký kết HĐMBĐ. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đầu tư thiết bị trong phạm vi nhà máy điện, trạm điện; đầu tư thiết bị viễn thông, thiết lập kênh truyền từ hệ thống SCADA/EMS (SCADA/DMS) của A0/PC đến nhà máy điện, trạm điện theo đúng thiết kế đã được thoả thuận; quản lý vận hành thiết bị và kênh truyền kết nối thông tin và dữ liệu với các hệ thống trên của A0/PC.
Điều kiện áp dụng	- Tất cả các dự án năng lượng sinh khối có công suất đặt từ 10 MW trở lên. - Tất cả các dự án năng lượng sinh khối có công suất đặt nhỏ hơn 10 MW mà có đấu nối vào lưới điện cấp điện áp 110kV.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Quyết định số 373/QĐ-EVN ngày 27/3/2019 của EVN về việc ban hành quy trình đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam. - Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ CT về việc “Quy định hệ thống điện truyền tải”. - Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ CT ngày 18/11/2015 Quy định hệ thống điện phân phối. - Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT và Thông tư số 39/2015/TT-BCT. - Thông tư số 42/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 01/12/2015 quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện.

Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0). - Tổng Công ty Điện lực (PC).
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị Thỏa thuận SCADA/EMS (hoặc SCADA/DMS), Hệ thống thông tin điều độ, rơ le bảo vệ và tự động bao gồm: - Văn bản đề nghị Thỏa thuận SCADA/EMS (hoặc SCADA/DMS), Hệ thống thông tin điều độ, rơ le bảo vệ và tự động trong dự án của Chủ đầu tư; - Thiết kế sơ bộ hệ thống điều khiển nhà máy điện, rơ le bảo vệ và tự động nhà máy điện và trạm điện; - Phương án kết nối hệ thống điều khiển của nhà máy điện với các Trung tâm Điều độ.
Trình tự thủ tục	- Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị Thỏa thuận đến A0/PC. - A0/PC tiến hành thẩm định và ban hành thỏa thuận với Chủ đầu tư về hệ thống SCADA/EMS (SCADA/DMS), hệ thống thông tin điều độ, rơ le bảo vệ và tự động.
Thời gian dự kiến	Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.3	Lập Báo cáo và thoả thuận đo đếm điện năng
Mô tả	Thoả thuận đo đếm điện năng là thoả thuận giữa Chủ đầu tư dự án điện sinh khối và đơn vị mua điện về TKKT hệ thống đo đếm điện năng giao nhận điện và hệ thống đo các thông số môi trường sử dụng trong thanh toán tiền điện (nếu có). Thoả thuận đo đếm là một phần không thể tách rời của HĐMBĐ và cũng là một trong những nội dung chính trong việc đàm phán, ký kết HĐMBĐ.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã có Quyết định chủ trương đầu tư.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 01/12/2015 của Bộ CT quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện. - Quyết định số 373/QĐ-EVN ngày 27/3/2019 của EVN về việc ban hành quy trình đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam. - Thông tư số 27/2009/TT-BCT ngày 25/9/2009 của Bộ CT về việc Quy định đo đếm điện năng trong thị trường phát điện cạnh tranh.
Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	- Công ty mua bán điện (EPTC). - Tổng công ty Điện lực (PC).
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị Thoả thuận đo đếm bao gồm: Thuyết minh của Chủ đầu tư về hệ thống đo đếm: giới thiệu chung về nhà máy và thông số chính của nhà máy, mô tả về vị trí đo đếm, lựa chọn thông số thiết bị đo đếm và tính đáp ứng của thiết bị, các giải pháp đấu nối mạch đo đếm, giải pháp thu thập và truyền dữ liệu công tơ từ xa, hệ thống niêm phong kẹp chì...và các công nghệ liên quan đến việc thanh toán tiền điện (như nhiệt độ môi trường, nhiệt độ nước tuần hoàn, các thông số nhiên liệu...) theo thông tư 42 và các quy định pháp luật có liên quan;

	- Các bản vẽ liên quan: Bao gồm sơ đồ nguyên lý hệ thống đo đếm trong sơ đồ một sợi của nhà máy điện hoặc trạm biến áp - nơi đặt hệ thống đo đếm, sơ đồ mặt bằng nhà máy điện hoặc trạm biến áp thể hiện vị trí bố trí thiết bị đấu nối mạch nhị thứ đo đếm tại hộp đấu dây CT, VT, hàng kẹp tủ đấu dây, tủ trung gian và các thiết bị block thử nghiệm, tủ công tơ, các vị trí khoá và niêm phong, kẹp chì, vvv; - Các văn bản: Văn bản đề nghị Thoả thuận đo đếm của Chủ đầu tư, văn bản Thoả thuận đấu nối của NPT/PC.
Trình tự thủ tục	- Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị Thoả thuận đo đếm đến EPTC/PC. - EPTC/PC thẩm định phương án thiết kế hệ thống đo đếm và có văn bản Thỏa thuận đo đếm với Chủ đầu tư.
Thời gian dự kiến	Trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Chi phí	Không áp dụng.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.4	Lập Báo cáo và thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy
Mô tả	Dự án năng lượng sinh khối thuộc mọi nguồn vốn đầu tư phải tuân theo các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy. Việc lập dự án, thiết kế công trình phòng cháy và chữa cháy phải do đơn vị tư vấn thiết kế có đủ năng lực và tư cách pháp nhân thực hiện. Báo cáo dự án, thiết kế công trình phòng cháy và chữa cháy phải được cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt. Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là việc kiểm tra, đối chiếu các giải pháp, nội dung thiết kế dự án, công trình, có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy được phép áp dụng tại Việt Nam. Kết quả thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là một trong những căn cứ để xem xét, phê duyệt dự án và cấp giấy phép xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nổi lưới đã có Quyết định chủ trương đầu tư.



Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ban hành ngày 12/7/2001.
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13, ngày 22/11/2013.
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/11/2020 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.
- Thông tư số 149/2020/TT-BCA của Bộ Công An ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.
- Thông tư số 150/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 10/10/2014 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.4	Lập Báo cáo và thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: - Dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm A (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư); - Dự án, công trình có chiều cao từ 100m trở lên; - Dự án đầu tư xây dựng công trình do Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh hoặc chủ đầu tư đề nghị. - Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: - Dự án đầu tư xây dựng công trình không thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn quản lý; - Những trường hợp do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ủy quyền.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy gồm hai (02) bộ, có xác nhận của chủ đầu tư, nếu hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch phần thuyết minh ra tiếng Việt kèm theo, cụ thể như sau: Đối với thiết kế cơ sở, hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư (nếu ủy quyền cho một đơn vị khác thực hiện thì phải có văn bản ủy quyền kèm theo); - Bản sao văn bản cho phép đầu tư của cấp có thẩm quyền;

	- Dự toán tổng mức đầu tư dự án, công trình; - Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế cơ sở thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6, Điều 13, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.
Trình tự thủ tục	- Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của dự án; - Đối với hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về giải pháp phòng cháy và chữa cháy.
Thời gian dự kiến	Thời hạn thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được tính kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau: - Thiết kế cơ sở: Không quá mười (10) ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá năm (05) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và C. - Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá mười lăm (15) ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm A; không quá mười (10) ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm B và C.
Chi phí	Áp dụng theo Thông tư 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy; Thông tư 52/2019/TT-BTC ngày 16/8/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 258/2016/TT-BTC (được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất 52/VBHN-BTC ngày 15/10/2019 hợp nhất Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy).

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.5	Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường
Mô tả	Đánh giá tác động môi trường là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó. Kế hoạch môi trường là hồ sơ mang tính pháp lý thay cho lời cam kết bảo vệ môi trường của chủ doanh nghiệp đối với Cơ quan Nhà nước. Tuỳ thuộc quy mô dự án được quy định tại mà nhà đầu tư thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường hay đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định 11/VBHN-BTNMT. Đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại cột 5 Phụ lục II Mục I của Nghị định 11/VBHN-BTNMT. Chủ đầu tư tự thực hiện trong trường hợp có năng lực được chứng nhận bởi các cấp có thẩm quyền hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường. Kết quả thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường là một trong những căn cứ để xem xét, phê duyệt dự án, giao đất thực hiện dự án và cấp giấy phép xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lưới đã có Quyết định chủ trương đầu tư.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ban hành ngày 23/06/2014, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 39/2019/QH14 và Luật số 61/2020/QH14 (hết hiệu lực kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành). - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2022.

	- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 25/10/2019 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 136/2018/NĐ-CP và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. Văn bản hợp nhất 11/VBHN-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 25/10/2019 hợp nhất Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 31/12/2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. - Thông tư 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Chủ đầu tư. - Sở TN&MT. - UBND cấp huyện. - UBND cấp tỉnh.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.5	Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường
Hồ sơ cần nộp	1. Hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường gồm: a. Một (01) văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 11/VBHN-BTNMT; b. Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương; c. Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hồ sơ đề nghị Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường gồm: a. 01 văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung; b. Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại khoản 13 Điều 14, Nghị định 11/VBHN-BTNMT kèm theo 01 đĩa CD trong đó chứa 01 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và 01 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục). 2. Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường gồm: a. Một (01) văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở theo Mẫu số 01 Phụ lục VII Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 11/VBHN-BTNMT; b. Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường (kèm theo bản điện tử) của dự án, cơ sở theo Mẫu số 02 Phụ lục VII Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 11/VBHN-BTNMT;

	c. Một (01) báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án, cơ sở (kèm theo bản điện tử).
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị thẩm định tới UBND tỉnh/Sở TN&MT; 2. Việc thẩm định hồ sơ được thực hiện thông qua hội đồng thẩm định; 3. Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; 4. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ dự án gửi đến, thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; 5. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt cơ quan thẩm định phải có văn bản nêu rõ lý do; 6. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi xác nhận đến chủ dự án và các cơ quan liên quan.
Thời gian dự kiến	• Thời gian thẩm định Hồ sơ đề nghị thẩm định: không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. • Thời hạn ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
Chi phí	Áp dụng theo Thông tư 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.6	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Mô tả	Dự án năng lượng sinh khối phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định trước khi quyết định đầu tư. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng gồm thẩm định thiết kế cơ sở và nội dung khác của Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở gồm: 1. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến; 2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực; 3. Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ; 4. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; 5. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế; 6. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế; 7. Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở. Các nội dung khác của Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng được thẩm định gồm: 1. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ;

	2. Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về Quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; các giải pháp bảo vệ môi trường; phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác; 3. Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.
Điều kiện áp dụng	• Tất cả các dự án năng lượng sinh khối đã đạt được các thỏa thuận, phê duyệt theo như nêu tại các bước A.8.1, A.8.2, A.8.3, A.8.4, A.8.5
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng. • Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. • Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2016.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.6	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD. Văn bản hợp nhất 10/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng ngày 30/12/2019 hợp nhất Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Bộ CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án điện sinh khối cấp I (quy mô công suất > 30 MW); - Sở CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án điện sinh khối từ cấp II trở xuống (quy mô công suất ≤ 30 MW); - Cơ quan chuyên môn trực thuộc Chủ đầu tư: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ và các nội dung khác của Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng gồm: - Tờ trình thẩm định dự án của chủ đầu tư (theo mẫu quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP); - Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng (bước A.8); - Các tài liệu, văn bản có liên quan.
Trình tự thủ tục	Chủ đầu tư gửi hồ sơ Thiết kế cơ sở của dự án đến cơ quan chuyên môn và Bộ CT (nếu quy mô công suất dự án > 30 MW) hoặc Sở CT (nếu quy mô công suất dự án ≤ 30 MW) để thẩm định;

	- Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ dự án, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo hồ sơ đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của bằng văn bản trong thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn quy định, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến về thiết kế cơ sở và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình; - Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp đơn vị tư vấn thẩm tra, trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định dự án, thiết kế cơ sở; - Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm tổ chức thẩm định theo cơ chế một cửa liên thông đảm bảo đúng nội dung và thời gian theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
Thời gian dự kiến	Thời gian thẩm định dự án được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau: - Thời gian thẩm định dự án không quá chín mươi (90) ngày đối với dự án quan trọng quốc gia; - Thời gian thẩm định dự án không quá bốn mươi (40) ngày đối với dự án nhóm A; - Thời gian thẩm định dự án không quá ba mươi (30) ngày đối với dự án nhóm B; - Thời gian thẩm định dự án không quá hai mươi (20) ngày đối với dự án nhóm C và dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.6	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Thời gian dự kiến	Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan, tổ chức thẩm định phải báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, quyết định việc gia hạn; thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 nêu trên. Thời hạn thẩm định thiết kế cơ sở: 1. Không quá sáu mươi (60) ngày đối với dự án quan trọng quốc gia; 2. Không quá ba mươi (30) ngày đối với dự án nhóm A; 3. Không quá hai mươi (20) ngày đối với dự án nhóm B; 4. Không quá mười lăm (15) ngày đối với dự án nhóm C.
Chi phí	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.7.7	Phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng
Mô tả	Sau khi nhận được công văn thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chức năng, Chủ đầu tư dựa trên các phân tích về các giải pháp công nghệ, hiệu quả kinh tế - tài chính của dự án được thể hiện trong Báo cáo NCKT để đưa ra quyết định có đầu tư xây dựng dự án hay không. Quyết định đầu tư xây dựng là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai các bước tiếp theo của dự án như giải phóng mặt bằng, vay vốn, đàm phán và ký kết HĐMBĐ... Nội dung chủ yếu của quyết định đầu tư xây dựng gồm: - Tên dự án; - Chủ đầu tư; - Tổ chức tư vấn lập dự án, khảo sát (nếu có), lập thiết kế cơ sở; - Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng, tiến độ thực hiện dự án; - Công trình xây dựng chính, các công trình xây dựng và cấp công trình thuộc dự án; - Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng; - Thiết kế cơ sở, thiết kế công nghệ (nếu có), quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng được lựa chọn; - Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có), vận hành sử dụng công trình; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, phương án bảo vệ môi trường (nếu có), phòng chống cháy nổ; - Tổng mức đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn sử dụng theo tiến độ; - Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nổi lưới nằm trong QHPTĐL đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định TKCS.

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014: Điều 60; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.8	Đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện
Mô tả	Đối với các dự án điện sinh khối nổi lưới, việc mua bán điện giữa Bên bán điện và Bên mua điện được thực hiện thông qua Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối nổi lưới. Nội dung HĐMBĐ cho các dự án điện sinh khối nổi lưới quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư /2020/TT-BCT. Bên bán điện và Bên mua điện được bổ sung nội dung của HĐMBĐ để làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên nhưng không được làm thay đổi nội dung cơ bản của Hợp đồng mua bán điện mẫu. Thời hạn HĐMBĐ cho các dự án điện sinh khối nổi lưới là hai mươi (20) năm kể từ ngày vận hành thương mại. Sau 20 năm, hai Bên có thể gia hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng mới theo quy định của pháp luật hiện hành.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nổi lưới đã được thẩm định TKCS và Chủ đầu tư phê duyệt.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Quyết định số 373/QĐ-EVN ngày 27/3/2019 của EVN về việc ban hành quy trình đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam. - Văn bản hợp nhất số 51/VBHN-BCT ngày 05/5/2020 của Bộ Công Thương về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam, hợp nhất Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam và Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg.

	Thông tư 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015 của Bộ CT quy định về phát triển dự án, biểu giá chi phí tránh được và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối; Thông tư số 16/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 07/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2015/TT-BCT.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo. - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). - Cục Điều tiết điện lực. - Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ trình duyệt HĐMBĐ: - Công văn đề nghị phê duyệt HĐMBĐ; - Bản sao công chứng các văn bản phê duyệt của cơ quan liên quan về phát triển dự án (VD: kế hoạch nguồn điện và lưới điện, nếu nhà máy do UBND tỉnh phê duyệt thì cần gửi kèm theo phê duyệt của BCT; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép liên quan, v.v); - Thông tin cơ bản của Chủ đầu tư chứng minh tư cách pháp nhân, đăng ký kinh doanh, năng lực và kinh nghiệm về phát triển dự án, năng lực tài chính, v.v; - Thỏa thuận đấu nối; - Thỏa thuận đo đếm điện năng; - Thỏa thuận SCADA/EMS (hoặc SCADA/DMS); - Thỏa thuận hệ thống rơ-le bảo vệ; - Văn bản chấp thuận mua điện giữa EVN và Chủ đầu tư.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.8	Đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện
Trình tự thủ tục	Các nội dung đàm phán, ký kết HĐMBĐ của các dự án nhà máy điện bao gồm: 1. Chấp thuận mua điện giữa EVN và Chủ đầu tư; 2. Thỏa thuận đấu nối giữa NPT/PC và Chủ đầu tư; 3. Thỏa thuận SCADA/EMS (hoặc SCADA/DMS), Hệ thống thông tin điều độ, rơ le bảo vệ và tự động; 4. Thỏa thuận đo đếm giữa EPTC/PC và Chủ đầu tư; 5. Đàm phán và ký tắt HĐMBĐ giữa EPTC/PC và Chủ đầu tư; 6. Ký chính thức HĐMBĐ giữa EVN/PC và Chủ đầu tư. Việc đàm phán HĐMBĐ có thể thực hiện lần lượt hoặc đồng thời các nội dung từ điểm 1 đến điểm 5 nêu trên. Việc ký kết chính thức HĐMBĐ chỉ có thể được thực hiện khi tất cả thỏa thuận từ 1 đến 5 được ký kết.
Thời gian dự kiến	Trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ khi chủ đầu tư có văn bản đề nghị bán điện, Bên mua phải tiến hành ký kết HĐMBĐ với bên bán điện theo quy định.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.9	Chuẩn bị hồ sơ xin vay vốn
Mô tả	Tại bước này, Chủ đầu tư sẽ chuẩn bị hồ sơ đệ trình cho ngân hàng để có được nguồn tài chính cần thiết để phát triển dự án. Yêu cầu của hồ sơ vay vốn của dự án có thể khác nhau tùy theo yêu cầu của từng ngân hàng. Hồ sơ thẩm định dự án điển hình bao gồm các tài liệu qui định trong “hồ sơ cần nộp” dưới đây. Trong trường hợp tiếp cận với vốn vay thương mại thông thường, Chủ đầu tư có thể liên hệ với các Ngân hàng Cổ phần thương mại tại Việt Nam, là những Ngân hàng đã có kinh nghiệm cho vay những dự án về Năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, các điều kiện, yêu cầu cho vay cũng như mức lãi suất tín dụng của những ngân hàng này sẽ khác nhau.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã ký HĐMBĐ.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Nghị định số 56/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/5/2020 quy định về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Các ngân hàng liên quan.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.9	Chuẩn bị hồ sơ xin vay vốn
Hồ sơ cần nộp	1. Mẫu hồ sơ nộp ngân hàng; • Mẫu đơn xin cấp tín dụng dự án • Mẫu thông tin của người vay • Báo cáo về mối quan hệ tài chính với các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác 2. Hồ sơ của Chủ đầu tư; 2.1. Hồ sơ pháp lý • Giấy đăng ký kinh doanh/chứng nhận đầu tư, các tài liệu khác yêu cầu như trong giấy phép • Điều lệ doanh nghiệp của bên nộp hồ sơ • Quyết định bổ nhiệm tổng giám đốc, kế toán trưởng (đại diện pháp lý của bên nộp hồ sơ) 2.2. Hồ sơ tài chính • Báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, bản báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo dòng tiền) • Hồ sơ liên quan tới vốn đầu tư và đóng góp của các cổ đông 2.3. Hồ sơ đánh giá tài sản thế chấp • Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu các tài sản khác • Thỏa thuận của đồng chủ sở hữu để sử dụng tài sản làm bảo lãnh ngân hàng 3. Hồ sơ đầu tư dự án; • Giấy chứng nhận đầu tư • Phê duyệt kế hoạch xây dựng dự án điện hoặc giấy phép xây dựng • Báo cáo đầu tư của dự án • Bản sao giấy xác nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê đất của dự án • Báo cáo đánh giá tác động môi trường

	• Phê duyệt của cơ quan nhà nước về các giải pháp phòng cháy chữa cháy • Cam kết bảo hiểm • Hợp đồng mua bán điện • Các tài liệu khác liên quan (nếu có)
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ vay vốn để đề xuất với ngân hàng/tổ chức tài chính một khoản tài chính cần thiết để phát triển dự án; 2. Tổ chức tài chính sẽ thực hiện việc đánh giá pháp lý dự án, tính khả thi của dự án và năng lực của Chủ đầu tư trong việc phát triển dự án...; 3. Nếu ngân hàng/tổ chức tài chính đồng ý tài trợ cho dự án, ngân hàng/tổ chức tài chính sẽ chuyển hồ sơ xin vay vốn tới ban tín dụng tương ứng để phê duyệt. Thỏa thuận vay vốn hoặc tín dụng sẽ được cung cấp cho Chủ đầu tư.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Phí hành chính theo qui định.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.10	Lập báo cáo thiết kế kỹ thuật
Mô tả	Thiết kế kỹ thuật là bước thứ 2 trong thiết kế xây dựng đối với dự án có yêu cầu thiết kế ba bước. Đối với dự án có yêu cầu thiết kế 1 bước hoặc 2 bước thì không thực hiện báo cáo này. Thiết kế kỹ thuật là thiết kế được thực hiện sau thiết kế cơ sở được phê duyệt, bảo đảm thể hiện được đầy đủ các thông số kỹ thuật và vật liệu sử dụng phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, là căn cứ để triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công. Nội dung chủ yếu của thiết kế kỹ thuật bao gồm: 1. Phương án kiến trúc; 2. Phương án công nghệ (nếu có); 3. Công năng sử dụng; 4. Thời hạn sử dụng và quy trình vận hành, bảo trì công trình; 5. Phương án kết cấu, loại vật liệu chủ yếu; 6. Chỉ dẫn kỹ thuật; 7. Phương án phòng, chống cháy, nổ; 8. Phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; 9. Giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; 10. Dự toán xây dựng phù hợp với bước thiết kế xây dựng.
Điều kiện áp dụng	• Đối với dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước (bao gồm TKCS, TKKT, TKBVTC).

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. • Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. • Và các Nghị định, Thông tư khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành).
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	• Chủ đầu tư/Tư vấn.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	• Khoảng chín mươi (90) ngày đến một trăm hai mươi (120) ngày tùy theo quy mô và tính chất của từng dự án.
Chi phí	Theo hợp đồng tư vấn lập báo cáo TKKT giữa Chủ đầu tư và tư vấn. Định mức chi phí tư vấn lập báo cáo TKKT có thể tham khảo tại Thông tư số 16/2019/TT-BXD, ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.10.1	Thẩm định Thiết kế kỹ thuật
Mô tả	Cơ quan có thẩm quyền chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật đối với các dự án có thiết kế 3 bước. Nội dung thẩm định thiết kế kỹ thuật bao gồm: 1. Sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật so với thiết kế cơ sở; 2. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình; 3. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình; 4. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận; 5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ; 6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; 7. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xác định giá trị dự toán công trình; 8. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng.
Điều kiện áp dụng	• Đối với dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước (bao gồm TKCS, TKKT, TKBVTC).
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng.

- Nghị định số 113/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/9/2020 quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công tác thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng.
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư.
- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD. Văn bản hợp nhất 10/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng ngày 30/12/2019 hợp nhất Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.
- Và các Nghị định, Thông tư khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành).

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.10.1	Thẩm định Thiết kế kỹ thuật
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Bộ CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật của dự án điện sinh khối cấp I (quy mô công suất > 30 MW). - Sở CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật của dự án điện sinh khối từ cấp II trở xuống (quy mô công suất ≤ 30 MW).
Hồ sơ cần nộp	Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế kỹ thuật tới cơ quan chuyên môn và Bộ CT (nếu quy mô công suất >30MW) hoặc Sở CT (nếu quy mô công suất <30MW) để thẩm định, gồm: - Tờ trình thẩm định thiết kế theo Mẫu số 06 quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; - Các văn bản pháp lý; - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt - Bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có) - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư - Các văn bản khác có liên quan - Hồ sơ tài liệu thiết kế, khảo sát thiết kế xây dựng; - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật bao gồm thuyết minh và bản vẽ, phụ lục tính toán - Hồ sơ khảo sát thiết kế xây dựng - Hồ sơ năng lực của các nhà thầu; - Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế công trình - Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có)

Trình tự thủ tục	- Sau khi nhận được hồ sơ, Bộ CT/Sở CT chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật; - Bộ CT/Sở CT có trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung của thiết kế kỹ thuật. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định từng phần thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ, dự toán xây dựng công trình để phục vụ công tác thẩm định của mình; - Trong quá trình thẩm định thiết kế kỹ thuật, Bộ CT/Sở CT có trách nhiệm yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật. (Thời hạn có văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành nhưng không được vượt quá thời gian thẩm tra thiết kế. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung thẩm định và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý).
Thời gian dự kiến	Thời gian thẩm định thiết kế kỹ thuật tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: - Không quá bốn mươi (40) ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt. - Không quá ba mươi (30) ngày đối với công trình cấp II và cấp III. - Không quá hai mươi (20) ngày đối với các công trình còn lại.
Chi phí	Áp dụng theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.10.2	Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật
Mô tả	Trên cơ sở kết quả thẩm định của cơ quan chức năng, Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự án. Nội dung phê duyệt thiết kế kỹ thuật bao gồm: 1. Các thông tin chung về công trình: Tên công trình, hạng mục công trình (nêu rõ loại và cấp công trình); chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất; 2. Quy mô, công nghệ, các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của công trình; 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng; 4. Các giải pháp thiết kế chính của hạng mục công trình và toàn bộ công trình; 5. Dự toán xây dựng công trình; 6. Những yêu cầu phải hoàn chỉnh bổ sung hồ sơ thiết kế và các nội dung khác (nếu có).
Điều kiện áp dụng	• Đối với dự án có thiết kế 3 bước (bao gồm TKCS, TKKT, TKBVTC).
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. • Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. • Và các Nghị định, Thông tư khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành).
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	• Chủ đầu tư.

Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.11	Đấu thầu thi công xây dựng và mua sắm thiết bị nhà máy điện
Mô tả	Sau khi dự án đã được quyết định đầu tư và thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật (đối với dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư tổ chức tiến hành đấu thầu thi công xây dựng và mua sắm thiết bị nhằm lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Một số hình thức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và mua sắm thiết bị cho dự án nhà máy điện sinh khối có thể được áp dụng, bao gồm: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu. Để triển khai xây dựng nhà máy điện, Chủ đầu tư có thể phân chia dự án thành 1 hoặc nhiều gói thầu tương ứng với một phần hoặc toàn bộ dự án bao gồm: - Thiết kế và cung cấp hàng hóa (EP). - Thiết kế và xây lắp (EC). - Cung cấp hàng hóa và xây lắp (PC). - Thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC). - Lập dự án, thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (chìa khóa trao tay).
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lưới đã được quyết định đầu tư và thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật (đối với dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, ngày 26/11/2013. - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/6/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	Chủ đầu tư.

Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Trình tự thực hiện đấu thầu bao gồm các bước chuẩn bị đấu thầu, tổ chức đấu thầu, đánh giá Hồ sơ dự thầu, thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.



4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.12	Giải phóng mặt bằng
Mô tả	Dựa trên diện tích mặt bằng được quy định trong quyết định chủ trương đầu tư và / hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Chủ đầu tư phối hợp với tổ chức dịch vụ công về đất đai sẽ tiến hành kiểm đếm diện tích đất sẽ sử dụng cho nhà máy và khu vực liên quan như đường vận hành, trạm biến áp... để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Về cơ bản, thủ tục để tiến hành thu hồi, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai bao gồm các nội dung sau: 1. Diện tích của từng loại đất sẽ được sử dụng; 2. Số người dự kiến sử dụng đất trong khu vực mặt bằng liên quan; 3. Chi phí bồi thường dự kiến đối với từng loại đất và vị trí của từ loại đất này; 4. Kế hoạch tái định cư (dự kiến số lượng gia đình, địa điểm và phương án tái định cư); 5. Tổng chi phí bồi thường và tái định cư dự kiến; và nguồn tài chính; 6. Các bước chính trong giải phóng mặt bằng. Báo cáo khảo sát sẽ được xác nhận bởi người sử dụng đất và Ủy ban nhân dân xã. Sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư sẽ được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ đầu tư.
Điều kiện áp dụng	• Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lưới đã ký HĐMBĐ.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 hợp nhất Luật Đất đai: hợp nhất Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và Luật số 35/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai.

	• Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2014 về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. • Nghị định 148/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. • Thông tư 37/2014/TT-BTNMT của BTNMT ban hành ngày 30/06/2014 quy định chi tiết về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT của BTNMT ngày 29/9/2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 37/2014/TT-BTNMT.
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	• Chủ đầu tư. • Người sử dụng đất. • UBND xã, Sở TN&MT, UBND tỉnh.
Hồ sơ cần nộp	• Thỏa thuận về việc sử dụng đất tại địa phương. • Kế hoạch tái định cư.
Trình tự thủ tục	1. Chủ đầu tư sẽ phải nộp hồ sơ (bao gồm thỏa thuận về sử dụng đất ở cấp xã) cho Sở TN&MT để thẩm định; 2. Căn cứ vào hồ sơ, Sở TN&MT nộp hồ sơ cho UBND tỉnh để phê duyệt; 3. Căn cứ vào hồ sơ đã được phê duyệt, chủ đầu tư thanh toán tiền sử dụng đất cho UBND tỉnh để trả cho người sử dụng đất. Trong trường hợp có tái định cư, UBND tỉnh sẽ bố trí đất cho người dân và giao đất sạch cho chủ đầu tư.

4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.12	Giải phóng mặt bằng
Thời gian dự kiến	Thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng được nêu rõ trong các quy định hiện hành. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác giải phóng mặt bằng có thể mất nhiều thời gian, dẫn đến chi phí phát sinh ngoài dự kiến.
Chi phí	Không áp dụng.



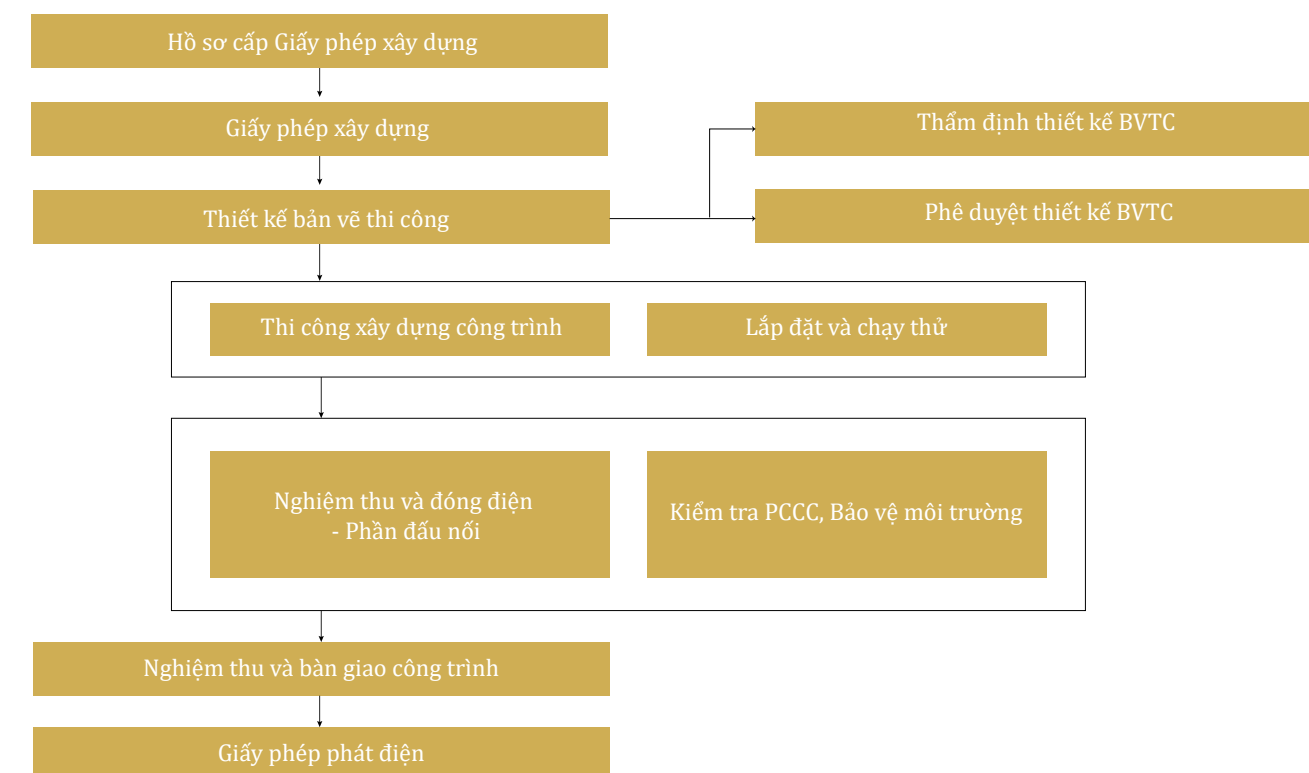
4.1. Giai đoạn A: Phát triển dự án

A.13	Khóa sổ tài chính
Mô tả	Việc khóa sổ tài chính có thể được thực hiện sau khi Chủ đầu tư và ngân hàng ký thỏa thuận vay vốn và toàn bộ các điều kiện pháp lý phải được thực hiện (ví dụ như có được các giấy phép cần thiết, v.v...). Việc khóa sổ tài chính cho phép Chủ đầu tư bắt đầu tiến hành việc xây dựng nhà máy điện sinh khối.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án điện sinh khối nối lưới đã ký HĐMBĐ.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng.
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Chủ đầu tư. - Các ngân hàng liên quan.
Hồ sơ cần nộp	Ngân hàng sẽ thông báo với chủ dự án những tài liệu cần thiết để hỗ trợ quá trình thương thảo.
Trình tự thủ tục	- Ngân hàng/tổ chức tài chính sau khi đánh giá/ thẩm định hồ sơ vay vốn và đơn xin cấp tín dụng cho dự án sẽ thông báo việc phê duyệt/chấp thuận cho Chủ đầu tư; - Ngân hàng/Tổ chức tín dụng và Chủ đầu tư sẽ đàm phán và ký thỏa thuận tín dụng/vay vốn. Song song với thỏa thuận tín dụng/vay vốn, một thỏa thuận bảo lãnh vay vốn sẽ được ký kết.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.





4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án



4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.1	Giấy phép xây dựng
Mô tả	Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật Xây dựng. Nội dung chủ yếu của giấy phép xây dựng bao gồm: - Tên công trình thuộc dự án; - Tên và địa chỉ của chủ đầu tư; - Địa điểm, vị trí xây dựng công trình; tuyến xây dựng công trình đối với công trình theo tuyến; - Loại, cấp công trình xây dựng; - Cốt xây dựng công trình; - Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; - Mật độ xây dựng (nếu có); - Hệ số sử dụng đất (nếu có); - Các nội dung về tổng diện tích xây dựng, chiều cao tối đa toàn công trình.
Điều kiện áp dụng	Các Dự án điện sinh khối nổi lưoi: - Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt.

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14; Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. - Nghị định số 113/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/9/2020 quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công tác thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 30/6/2016 Hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng. - Và các Nghị định khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành).
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Chủ đầu tư. - UBND tỉnh/Sở Xây dựng được uỷ quyền.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư 15/2016/TT-BXD; - Bản sao hoặc tập tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.1	Giấy phép xây dựng
Hồ sơ cần nộp	3. Bản sao hoặc tập tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: a. Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500; b. Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; c. Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; d. Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200. Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế kể trên là bản sao các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định. 4. Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.
Trình tự thủ tục	Tuân thủ theo điều 102 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, tóm lược như sau: 1. Chủ đầu tư nộp hai (02) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng tới Sở Xây dựng/UBND tỉnh; 2. Sở Xây dựng/UBND tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa;

	3. Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, Sở Xây dựng/UBND tỉnh có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định tại Luật Xây dựng để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật; 4. Trong thời gian mười hai (12) ngày các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; Sở Xây dựng/UBND tỉnh căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.
Thời gian dự kiến	• Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Sở Xây dựng/UBND tỉnh nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.
Chi phí	Không.



4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công
Mô tả	Thiết kế bản vẽ thi công là thiết kế thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng, bảo đảm đủ điều kiện để triển khai thi công xây dựng công trình. Thiết kế bản vẽ thi công phải phù hợp với nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế kỹ thuật (với dự án có thiết kế 3 bước) hoặc Thiết kế cơ sở (với dự án có thiết kế 2 bước); Nhà thầu thi công xây dựng có đủ năng lực được phép thực hiện thiết kế bản vẽ thi công đối với trường hợp dự án có yêu cầu thiết kế 3 bước. Nội dung chủ yếu của thiết kế bản vẽ thi công bao gồm: 1. Phương án kiến trúc; 2. Phương án công nghệ (nếu có); 3. Công năng sử dụng; 4. Thời hạn sử dụng và quy trình vận hành, bảo trì công trình; 5. Phương án kết cấu, loại vật liệu chủ yếu; 6. Chỉ dẫn kỹ thuật; 7. Phương án phòng, chống cháy, nổ; 8. Phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; 9. Giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; 10. Dự toán xây dựng phù hợp với bước thiết kế xây dựng.
Điều kiện áp dụng	• Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lưới đã có quyết định đầu tư.

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. • Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. • Và các Nghị định, Thông tư khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành).
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	• Chủ đầu tư/Tư vấn.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.

4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.2.1	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công
Mô tả	Cơ quan có thẩm quyền chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công đối với các dự án có thiết kế 2 bước. Nội dung thẩm định thiết kế bản vẽ thi công bao gồm: - Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế cơ sở; - Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình; - Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình; - Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận; - Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ; - Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; - Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xác định giá trị dự toán công trình; - Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Đối với dự án có thiết kế 2 bước (bao gồm TKCS và TKBVTG).
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng.

	- Nghị định số 113/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/9/2020 quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công tác thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD. Văn bản hợp nhất 10/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng ngày 30/12/2019 hợp nhất Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2016. - Và các Nghị định, Thông tư khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành).
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Bộ CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công của dự án điện sinh khối cấp đặc biệt, cấp I (quy mô công suất > 30 MW). - Sở CT: chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công của dự án điện sinh khối từ cấp II trở xuống (quy mô công suất ≤ 30 MW).

4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.2.1	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công
Hồ sơ cần nộp	Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tới cơ quan chuyên môn và Bộ CT (nếu quy mô công suất > 30MW) hoặc Sở CT (nếu quy mô công suất ≤ 30 MW) để thẩm định, gồm: - Tờ trình thẩm định thiết kế theo Mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP; - Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan; - Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình; - Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có); - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.
Trình tự thủ tục	- Sau khi nhận được hồ sơ, Bộ CT/Sở CT chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công; - Bộ CT/Sở CT có trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung của thiết kế bản vẽ thi công. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định từng phần thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ, dự toán xây dựng công trình để phục vụ công tác thẩm định của mình; - Trong quá trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, Bộ CT/Sở CT có trách nhiệm yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật.
Thời gian dự kiến	Thời gian thẩm định thiết kế bản vẽ thi công tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

	- Không quá bốn mươi (40) ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt. - Không quá ba mươi (30) ngày đối với công trình cấp II và cấp III. - Không quá hai mươi (20) ngày đối với các công trình còn lại.
Chi phí	Áp dụng theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.



4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.2.2	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công
Mô tả	Trên cơ sở kết quả thẩm định, Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công. Đây là cơ sở để nhà thầu thi công xây dựng triển khai xây dựng nhà máy điện. Nội dung phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công bao gồm: 1. Các thông tin chung về công trình: Tên công trình, hạng mục công trình (nêu rõ loại và cấp công trình); chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất; 2. Quy mô, công nghệ, các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của công trình; 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng; 4. Các giải pháp thiết kế chính của hạng mục công trình và toàn bộ công trình; 5. Dự toán xây dựng công trình; 6. Những yêu cầu phải hoàn chỉnh bổ sung hồ sơ thiết kế và các nội dung khác (nếu có).
Điều kiện áp dụng	• Đối với dự án có thiết kế 2 bước (bao gồm TKCS và TKBVTCT).
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	• Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14; Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng. • Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. • Và các Nghị định khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành).

Chịu trách nhiệm/ Thẩm quyền	• Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.



4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.3	Thi công xây dựng công trình
Mô tả	Chủ đầu tư tiến hành công tác xây dựng dự án điện sinh khối dựa trên thiết kế bản vẽ thi công. Chủ đầu tư lựa chọn một hay nhiều đơn vị có năng lực thực hiện công tác xây dựng cho một hoặc nhiều hạng mục hoặc toàn bộ dự án. Trong giai đoạn này, Chủ đầu tư có thể thuê nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của dự án. Kết thúc giai đoạn thi công, Chủ đầu tư tiến hành hoàn thiện các tài liệu hoàn công dự án sau khi tiến hành kiểm tra chạy thử.
Điều kiện áp dụng	Điều kiện khởi công xây dựng công trình nhà máy năng lượng sinh khối nổi lưới phải đảm bảo các yêu cầu sau: - Mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng; - Giấy phép xây dựng (theo quy định); - Thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục công trình, công trình khởi công đã được phê duyệt và được chủ đầu tư kiểm tra, xác nhận trên bản vẽ; - Hợp đồng thi công xây dựng được ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu; - Bố trí đủ vốn theo tiến độ xây dựng công trình; - Biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14; Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng.

	- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/5/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. - Và các Nghị định khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành). - Hồ sơ thầu. - Quy trình thực hiện của nhà thầu được Chủ đầu tư/Đơn vị tư vấn phê duyệt.
Chịu trách nhiệm/Thẩm quyền	- Nhà thầu xây lắp. - Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Theo tiến độ quy định trong Hồ sơ thầu và đề xuất của nhà thầu thi công xây dựng.
Chi phí	Theo Hợp đồng thi công xây dựng.

4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.4	Lắp đặt thiết bị và chạy thử
Mô tả	Chủ đầu tư và nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt nhà máy tương ứng tiến hành công tác lắp đặt, kiểm tra và chạy thử toàn bộ hệ thống thiết bị. Kết thúc giai đoạn lắp đặt phải đảm bảo các cấu phần của nhà máy đáp ứng các tính năng và đặc tính kỹ thuật yêu cầu. Việc lắp đặt và thiết bị để thực hiện kiểm tra và chạy thử sẽ do Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị thực hiện theo các tiêu chuẩn Quốc tế và tiêu chuẩn riêng của nhà sản xuất chế tạo thiết bị. Chủ đầu tư nên thuê một bên thứ ba có năng lực và kinh nghiệm để giám sát quá trình lắp đặt thiết bị và thực hiện kiểm tra và chạy thử. Bên thứ ba này hoạt động thay mặt Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư. Kết thúc bước này, nhà cung cấp thiết bị thực hiện kiểm tra và chạy thử cho toàn bộ hệ thống thiết bị của nhà máy trước khi đưa nhà máy vào vận hành thương mại.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lưới đã có Giấy phép xây dựng và đã hoàn thành việc thi công xây dựng.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14; Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. - Nghị định 46/2015/NĐ-CP, của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. - Và các Nghị định khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành) . - Hồ sơ thầu. - Quy trình thực hiện của nhà thầu đã được Chủ đầu tư/Đơn vị tư vấn phê duyệt.

Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Nhà thầu cung cấp thiết bị. - Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Quy trình lắp đặt, chạy thử được phê duyệt.



4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.4	Lắp đặt thiết bị và chạy thử
Trình tự thủ tục	1. Công tác lắp đặt và nghiệm thu được thực hiện theo các quy trình và yêu cầu kỹ thuật thể hiện trong Hợp đồng mua bán thiết bị, Hồ sơ mời thầu. Việc lắp đặt và nghiệm thu thiết bị có thể được thực hiện bởi các tổ chức có năng lực là đại diện cho Chủ đầu tư; 2. Sau khi đã lắp đặt và nghiệm thu thiết bị, công tác chạy thử hệ thống thiết bị của Dự án mới được thực hiện. Trước khi tiến hành chạy thử, Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị có nhiệm vụ phải đệ trình cho Chủ Đầu tư các quy trình thực hiện công tác chạy thử, thời gian thực hiện chạy thử và các vấn đề liên quan đến sự phối hợp giữa các bên để thực hiện công việc chạy thử này; 3. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt các tài liệu do Nhà sản xuất/cung cấp thiết bị đệ trình để làm căn cứ thực hiện. Ngoài ra, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các công tác chuẩn bị cho công tác chạy thử như cung cấp điện, nước, nhiên liệu chạy thử theo đề xuất của Nhà sản xuất/cung cấp thiết bị; 4. Nhà sản xuất/cung cấp thiết bị có trách nhiệm thực hiện chạy thử đối với hệ thống thiết bị của nhà máy hoặc có thể tiến hành thuê một (hoặc nhiều) đơn vị có đầy đủ năng lực thực hiện công tác chạy thử dưới sự giám sát của Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư; 5. Trong quá trình chạy thử, một số công việc quan trọng cần phải có sự chứng kiến của các đơn vị có chức năng kiểm định như: thử áp lực đường ống; thử nghiệm thiết bị nâng; thử nghiệm hệ thống rơ le bảo vệ; 6. Kết thúc quá trình chạy thử, Nhà sản xuất/cung cấp thiết bị phải có Báo cáo đánh giá tổng hợp và kết quả thực hiện thí nghiệm đệ trình cho Chủ đầu tư làm cơ sở cho các bước tiến hành tiếp theo trong quá trình thực hiện dự án.
Thời gian dự kiến	Theo tiến độ quy định trong Hồ sơ thầu và đề xuất của nhà thầu.
Chi phí	Theo Hợp đồng gói thầu.



4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.5	Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện
Mô tả	Chủ đầu tư thuê một Cơ quan có chức năng tiến hành thí nghiệm, nghiệm thu hệ thống các thiết bị và hòa đồng bộ nhà máy vào vào Hệ thống điện Quốc gia. Để thực hiện được công việc này, toàn bộ thiết bị trong nhà máy của dự án phải được nghiệm thu lắp đặt và chạy thử hoàn toàn, sẵn sàng vận hành theo quy định trong thoả thuận đấu nối, SCADA thông tin liên lạc, rơ le bảo vệ và tự động, và Hợp đồng mua bán điện (PPA).
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới đã hoàn thành việc thi công xây dựng, toàn bộ hệ thống, thiết bị của nhà máy đã được nghiệm thu lắp đặt và chạy thử hoàn toàn.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương Quy định hệ thống điện truyền tải; và Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT Quy định hệ thống điện truyền tải. - Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ CT ngày 18/11/2015 Quy định hệ thống điện phân phối và thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương ban hành “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2015/TT-BCT quy định hệ thống điện phân phối. - Thông tư số 42/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 01/12/2015 quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện.
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Đơn vị truyền tải điện/Đơn vị phân phối điện. - Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia. - Công ty Mua bán điện. - Cục Điều tiết Điện lực.

Hồ sơ cần nộp

1. Hồ sơ cho kiểm tra điều kiện đóng điện điểm đấu nối - Lưới điện truyền tải
- Trước ngày dự kiến đóng điện điểm đấu nối, Chủ đầu tư phải cung cấp cho Đơn vị truyền tải điện một (01) bộ hồ sơ và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện một (01) bộ hồ sơ cho kiểm tra điều kiện đóng điện điểm đấu nối bao gồm:
- a. Hồ sơ cung cấp cho Đơn vị truyền tải điện:
- Tài liệu thiết kế kỹ thuật được phê duyệt và sửa đổi, bổ sung so với thiết kế ban đầu (nếu có), bao gồm thuyết minh chung, sơ đồ nối điện chính, mặt bằng bố trí thiết bị điện, sơ đồ nguyên lý của hệ thống bảo vệ và điều khiển, các sơ đồ có liên quan khác và thông số kỹ thuật của thiết bị điện chính.



4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.5	Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện
Hồ sơ cần nộp	- Tài liệu hướng dẫn vận hành và quản lý thiết bị của nhà chế tạo. - Các biên bản nghiệm thu từng phần và toàn phần các thiết bị đấu nối của nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp vào lưới điện truyền tải. - Dự kiến lịch chạy thử và vận hành. b. Hồ sơ cung cấp cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện: - Sơ đồ nối điện chính, sơ đồ nhất thứ một sợi phần điện, mặt bằng bố trí thiết bị điện; sơ đồ nguyên lý, thiết kế của hệ thống bảo vệ và điều khiển thể hiện rõ các máy cắt, biến dòng, biến điện áp, chống sét, dao cách ly, mạch logic thao tác đóng cắt liên động theo trạng thái máy cắt, các sơ đồ có liên quan khác và thông số kỹ thuật của thiết bị lắp đặt. - Các trị số chỉnh định rơ le bảo vệ từ điểm đấu nối về phía khách hàng. - Dự kiến lịch chạy thử, đóng điện và vận hành. 2. Hồ sơ cho kiểm tra điều kiện đóng điện điểm đấu nối - Lưới điện phân phối Trước ngày dự kiến đóng điện điểm đấu nối, Chủ đầu tư phải cung cấp cho Đơn vị phân phối điện một (01) bộ hồ sơ và Cấp điều độ có quyền điều khiển một (01) bộ hồ sơ phục vụ kiểm tra tổng thể điều kiện đóng điện điểm đấu nối, bao gồm: a. Các biên bản nghiệm thu từng phần và toàn phần các thiết bị đấu nối của nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp vào lưới điện phân phối. b. Tài liệu thiết kế kỹ thuật được phê duyệt và sửa đổi, bổ sung (nếu có) so với thiết kế ban đầu, bao gồm các tài liệu sau: Thuyết minh chung, mặt bằng bố trí thiết bị điện; Sơ đồ nối điện chính, sơ đồ nhất thứ một sợi phần điện; Sơ đồ nguyên lý, thiết kế của hệ thống bảo vệ và điều khiển...

	c. Các tài liệu về thông số kỹ thuật và quản lý vận hành bao gồm các tài liệu sau: - Thông số kỹ thuật của thiết bị lắp đặt gồm cả thông số của đường dây đấu nối. - Tài liệu kỹ thuật của hệ thống kích từ, điều tốc của tổ máy phát điện. - Tài liệu hướng dẫn chỉnh định rơ le bảo vệ và tự động, phần mềm chuyên dụng để giao tiếp và chỉnh định rơ le, các trị số chỉnh định rơ le bảo vệ từ điểm đấu nối về phía khách hàng. - Tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị của nhà chế tạo. d. Dự kiến lịch chạy thử, đóng điện và vận hành.
--	--



4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.5	Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện
Trình tự thủ tục	1. Thử nghiệm, nghiệm thu đầu nối được thực hiện trước khi đóng điện điểm đầu nối sau khi có giấy mời chính thức từ phía Chủ đầu tư; 2. EVNNPT uỷ quyền cho Đơn vị trực thuộc EVNNPT đang quản lý công trình lưới điện truyền tải/phân phối liên quan đến đầu nối thực hiện các công việc liên quan đến kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện; 3. Trình tự kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và đóng điện vào lưới truyền tải tuân thủ theo (Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương Quy định hệ thống điện truyền tải và Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương ban hành “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT Quy định hệ thống điện truyền tải và Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11, 2015 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối và thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương ban hành “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2015/TT-BCT quy định hệ thống điện phân phối).
Thời gian dự kiến	Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện truyền tải: Theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BCT. Đối với dự án năng lượng sinh khối đầu nối vào lưới điện phân phối: Theo quy định tại Thông tư 39/2015/TT-BCT.
Chi phí	Không áp dụng.



4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.6	Kiểm tra việc tuân thủ an toàn, phòng chống cháy nổ, tiêu chuẩn môi trường của nhà máy
Mô tả	Chủ đầu tư tiến hành công tác kiểm tra các hệ thống trong nhà máy có liên quan đến môi trường xung quanh như hệ thống thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy. Một số thử nghiệm như hệ thống thải/môi trường, hệ thống phòng cháy chữa cháy đòi hỏi phải phải có sự chứng kiến, giám sát của các đơn vị có chức năng kiểm định như Sở Tài nguyên và Môi trường và Cục Phòng cháy chữa cháy (PCCC). Kết thúc bước phụ này, Chủ đầu tư hoàn thiện công tác nghiệm thu và sẵn sàng đưa nhà máy vào vận hành thương mại.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lười.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14; Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. - Thông tư 26/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26 tháng 10 năm 2016 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; và Thông tư số 04/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 6 tháng 8 năm 2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

	- Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 26/3/2014; Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. (Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 39/2019/QH14 và Luật số 61/2020/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành). - Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013. - Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy & chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy & chữa cháy: Điều 17, khoản 2. - Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an về chi tiết việc thực hiện một số điều của nghị định số 79/2014/NĐ-CP: Điều 8. - Hồ sơ thầu. - Quy trình thực hiện của nhà thầu đã được Chủ đầu tư/Đơn vị tư vấn phê duyệt.
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Cục Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn - Bộ Công An/Phòng Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn - Sở Công An. - Sở TN&MT.

4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.6	Kiểm tra việc tuân thủ an toàn, phòng chống cháy nổ, tiêu chuẩn môi trường của nhà máy
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ xin thử nghiệm các hệ thống đảm bảo theo tiêu chuẩn môi trường: - Báo cáo tóm tắt về Dự án và các số liệu đảm bảo liên quan đến môi trường; - Dự kiến Kế hoạch, quy trình và thời gian thực hiện các thí nghiệm liên quan đến môi trường; - Biên bản nghiệm thu lắp đặt tổng thể giữa Chủ đầu và Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị đối với các hạng mục liên quan đến môi trường như: Hệ thống xử lý nước; Hệ thống xử lý khói thải, khí thải; Hệ thống thải tro xỉ, chất thải rắn (nếu có); - Các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến dự án; - Hồ sơ xin thử nghiệm các hệ thống PCCC đảm bảo theo tiêu chuẩn PCCC; - Thiết kế chi tiết hệ thống PCCC của nhà máy; - Dự kiến Kế hoạch, quy trình và thời gian thực hiện các thí nghiệm liên quan đến môi trường; - Biên bản nghiệm thu lắp đặt tổng thể hệ thống PCCC giữa Chủ đầu tư và nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị PCCC; - Các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến dự án.
Trình tự thủ tục	Đối với các thí nghiệm liên quan đến môi trường, Chủ đầu tư phải tiến hành các bước sau: - Công văn kèm theo phụ lục có liên quan gửi Sở TN&MT tỉnh đề nghị tham gia và tiến hành thí nghiệm các thông số liên quan đến môi trường; - Chủ đầu tư sẽ vận hành các hệ thống thiết bị dự án và đại diện Sở TN&MT tỉnh tiến hành thí nghiệm với các thiết bị liên quan đến môi trường như thí nghiệm với mẫu nước thải, mẫu chất thải rắn, đo nồng độ khói thải, khí thải, đo độ ồn theo tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường;

	3. Sau khi các thí nghiệm về môi trường thành công, Sở TN&MT tỉnh sẽ có văn bản xác nhận các thiết bị nhà máy đảm bảo các điều kiện về môi trường và đồng ý cho phép nhà máy được vận hành thương mại. Đối với các thí nghiệm liên quan đến hệ thống PCCC, Chủ đầu tư cần phải tiến hành các bước sau: - Công văn kèm theo phụ lục có liên quan gửi Cục Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn - Bộ Công an/Phòng Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn - Sở Công An đề nghị tiến hành phê duyệt hệ thống PCCC của dự án; - Cục Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn/Phòng Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn sẽ tiến hành xem xét và phê duyệt thiết kế hệ thống PCCC của nhà máy. Sau khi có văn bản phê duyệt thiết kế, Cục Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn/Phòng Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn sẽ cùng với Chủ đầu tư tiến hành các thí nghiệm với các thiết bị PCCC được lắp đặt trong Dự án theo các quy định của ngành; - Sau khi các thí nghiệm thành công, Cục Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn/Phòng Cảnh sát PCCC và cứu hộ, cứu nạn sẽ ra văn bản phê duyệt đưa hệ thống PCCC của dự án vào vận hành.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.

4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.7	Nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng thương mại
Mô tả	Nhà máy điện sinh khối được đưa vào khai thác sử dụng sau khi đã xây dựng hoàn chỉnh theo thiết kế được duyệt và nghiệm thu đạt yêu cầu chất lượng. Việc nghiệm thu công trình xây dựng gồm: - Nghiệm thu (từng phần) công việc xây dựng trong quá trình thi công và nghiệm thu các giai đoạn chuyển bước thi công khi cần thiết. - Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào khai thác, sử dụng thương mại. Việc bàn giao công trình xây dựng phải tuân thủ các quy định sau: - Đã thực hiện nghiệm thu công trình xây dựng/ nhà máy điện theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng. - Bảo đảm an toàn trong vận hành và khai thác khi đưa công trình vào sử dụng thương mại. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng công trình, trong quá trình xây dựng có thể tiến hành bàn giao từng phần công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành thuộc dự án hoặc dự án thành phần để khai thác theo yêu cầu của chủ đầu tư. Biên bản nghiệm thu bàn giao từng phần công trình, hạng mục công trình, toàn bộ công trình hoàn thành là văn bản pháp lý để chủ đầu tư đưa công trình vào khai thác sử dụng và quyết toán chi phí cho công ty xây dựng.
Điều kiện áp dụng	Các dự án năng lượng sinh khối nổi lười đã xây dựng hoàn chỉnh theo thiết kế được duyệt, vận hành đúng yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu đạt yêu cầu chất lượng.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14; Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng.

	- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. - Thông tư 26/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26/10/2016 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Thông tư số 04/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 6 tháng 8 năm 2019 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BXD. - Và các Nghị định, Thông tư khác (nếu có) hướng dẫn thực hiện Luật số 62/2020/QH14 (sau khi ban hành).
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Nhà thầu. - Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ bàn giao công trình gồm: Hồ sơ hoàn thành công trình; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành; quy định bảo trì công trình, và danh mục các công việc cần hoàn tất.
Trình tự thủ tục	Theo quy định hiện hành.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.

4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.8	Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện
Mô tả	Nhằm chính thức vận hành thương mại, Chủ đầu tư nhà máy năng lượng sinh khối cần phải có được giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện, sau khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, đã có Thỏa thuận đấu nối ký kết với bên quản lý lưới điện, đã có HĐMBĐ ký kết với bên mua điện, đã có đủ điều kiện đảm bảo cho nhà máy vận hành, đã chạy thử nghiệm thu (biên bản xác nhận). Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện là một dạng của giấy phép hoạt động điện lực được cấp cho công ty để thực hiện hoạt động phát điện. Trong bước này, Chủ đầu tư sẽ tiến hành thủ tục nộp hồ sơ xin giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện tới cơ quan có thẩm quyền. Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện: - Tối đa hai mươi (20) năm: đối với các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Tối đa mười (10) năm: Các nhà máy điện không thuộc danh mục các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
Điều kiện áp dụng	Các dự án điện sinh khối nối lưới đã hoàn thành giai đoạn xây dựng có đủ điều kiện đảm bảo cho nhà máy vận hành, đã chạy thử nghiệm thu (biên bản xác nhận).
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 3/12/2004; Luật số 24/2013/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực. - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 21/10/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

	- Thông tư số 21/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 09/9/2020 quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực. - Thông tư số 167/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Bộ Công Thương: đối với các nhà máy điện lớn, đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong danh mục Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Cục Điều tiết Điện lực: đối với các nhà máy điện có công suất đặt từ ba (03) MW trở lên nhưng không bao gồm các nhà máy điện do Bộ Công Thương cấp giấy phép. - UBND tỉnh hoặc ủy quyền cho Sở Công Thương: đối với các nhà máy điện có công suất đặt dưới ba (03) MW.
Hồ sơ cần nộp	Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện - Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 21/2020/TT-BCT; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép; - Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp và hợp đồng lao động với chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành của người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện; tài liệu về kết quả tập huấn sát hạch đạt yêu cầu về an toàn và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành của đội ngũ trưởng ca nhà máy điện;

4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.8	Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện
Hồ sơ cần nộp	4. Bản sao quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư nhà máy điện, dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; 5. Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về môi trường; 6. Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt tổ máy; bản sao tài liệu xác định thông số chính của nhà máy điện (thông số tua bin, máy phát, máy biến áp chính); 7. Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện (đối với nhà máy tham gia thị trường điện).
Trình tự thủ tục	1. Chậm nhất trước 15 ngày làm việc kể từ ngày dự kiến chính thức vận hành thương mại, tổ chức tham gia hoạt động phát điện phải nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực; 2. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực gửi cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực 01 bộ hồ sơ theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; 3. Hình thức nộp hồ sơ được quy định như sau: a. Đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Công Thương và Cục Điều tiết điện lực: Thực hiện trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.moit.gov.vn. Trong trường hợp hồ sơ điện tử có dung lượng lớn hoặc các tài liệu theo quy định của pháp luật không được gửi qua mạng thông tin điện tử thì có thể gửi trực tiếp hoặc qua đường dịch vụ bưu chính.

b. Đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thực hiện gửi trực tiếp, qua đường dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên trang thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực (nếu có). 4. Trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực trực tuyến được thực hiện như sau: a. Hồ sơ trực tuyến thực hiện theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương, cụ thể như sau: - Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thực hiện đăng ký tài khoản trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương sử dụng tài khoản đã đăng ký để khai báo và gửi hồ sơ trực tuyến. - Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung, sửa đổi số liệu, tài liệu và các thông tin liên quan của cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải bổ sung, sửa đổi số liệu, tài liệu, các thông tin liên quan trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương. Hết thời hạn trên, tổ chức, cá nhân không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép hoạt động điện lực. - Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương theo quy định tại Điều 10 Thông tư này, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép hoạt động điện lực. b. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc cấp giấy phép thuộc thẩm quyền theo hình thức trực tuyến (nếu có) phù hợp với quy định tại Thông tư này.

4.2. Giai đoạn B: Thực hiện dự án

B.8	Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện
Trình tự thủ tục	5. Trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực không qua trực tuyến được thực hiện như sau: a. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ. Trong văn bản thông báo, phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, sửa đổi số liệu, tài liệu và các thông tin liên quan để hoàn thiện hồ sơ; b. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung, sửa đổi số liệu, tài liệu và các thông tin liên quan của cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải bổ sung, sửa đổi số liệu, tài liệu, các thông tin liên quan và trả lời bằng văn bản. Hết thời hạn trên, tổ chức, cá nhân không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có quyền trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực; c. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép hoạt động điện lực, trừ trường hợp quy định tại điểm d Khoản này; d. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 10 Thông tư 21/2020/TT-BCT, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép hoạt động điện lực. 6. Giấy phép hoạt động điện lực được cấp gồm 03 bản chính: 01 bản giao cho đơn vị được cấp giấy phép, 02 bản lưu tại cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.

Chi phí

Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.





4.3. Giai đoạn C: Vận hành và bảo dưỡng dự án

Hướng dẫn tiêu chuẩn vận hành và bảo dưỡng



Đào tạo và Nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành của nhà máy



Kiểm tra việc Kiểm soát và Thực hiện

4.3. Giai đoạn C: Vận hành và bảo dưỡng dự án

C.1	Hướng dẫn tiêu chuẩn vận hành và bảo trì, bảo dưỡng cho nhà máy điện sinh khối
Mô tả	Chủ đầu tư sẽ xây dựng Sổ tay hướng dẫn quy trình vận hành và bảo trì, bảo dưỡng cho nhà máy năng lượng sinh khối. Sổ tay hướng dẫn này là sự kết hợp giữa các tài liệu vận hành và bảo dưỡng do nhà thầu cung cấp/sản xuất thiết bị cung cấp cùng với nhà cung cấp phụ và các quy định trong vận hành của nhà máy năng lượng sinh khối do các Chủ đầu tư lập ra. - Để thiết lập Sổ tay hướng dẫn vận hành và bảo trì, bảo dưỡng cho nhà máy năng lượng sinh khối, Chủ đầu tư phải phân chia toàn bộ các hệ thống thiết bị trong nhà máy thành các hệ thống chính và các hệ thống phụ trợ, có thể phân chia như sau: - Hệ thống thiết bị chính như lò hơi và hệ thống sinh nhiệt và hệ thống hơi thấp và cao áp và hệ thống tua bin đối áp, trích hơi hoặc ngưng tụ, hệ thống phát điện, hệ thống điện. - Hệ thống thiết bị phụ trợ như hệ thống nhiên liệu đầu vào, hệ thống nhiên liệu phụ, hệ thống cấp nước, hệ thống xử lý nước thải, khói thải, khí thải, tro và chất thải rắn, hệ thống phụ trợ và và các hệ thống phụ khác trong nhà máy. - Trong mỗi một hệ thống, Chủ đầu tư có thể phân chia thành các hệ thống nhỏ hơn như: động cơ, bơm, quạt, máy cắt, tuyến đường ống và van... để lập ra từng quy trình vận hành và bảo trì, bảo dưỡng cụ thể; - Trong mỗi quy trình vận hành phải nêu đầy đủ các nội dung chủ yếu sau: - Thông tin mô tả về đặc tính kỹ thuật của hệ thống hoặc thiết bị. - Tính năng và nhiệm vụ của hệ thống và thiết bị. - Các điều kiện đảm bảo khi vận hành như: thông số đầu vào, các điều kiện kỹ thuật,... - Trình tự vận hành từng bước từ trạng thái tĩnh đến khi vận hành hoàn toàn. - Trình tự vận hành từng bước từ trạng thái vận hành về trạng thái tĩnh. - Các cảnh báo thường gặp và biện pháp xử lý. - Các sự cố xảy ra và biện pháp khắc phục.

	4. Trong mỗi quy trình bảo trì, bảo dưỡng phải nêu đầy đủ các nội dung chủ yếu sau: - Thông tin mô tả về đặc tính kỹ thuật của hệ thống hoặc thiết bị. - Các điều kiện bảo quản hệ thống, thiết bị. - Khuyến cáo và lịch bảo dưỡng, bảo trì. - Các nội dung và quy trình bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên. - Yêu cầu về phụ tùng thay thế và các đặc tính.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lưới vận hành thương mại.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. - Thông tư 26/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26 tháng 10 năm 2016 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; và Thông tư số 04/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 6 tháng 8 năm 2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BXD.





4.3. Giai đoạn C: Vận hành và bảo dưỡng dự án

C.1	Hướng dẫn tiêu chuẩn vận hành và bảo trì, bảo dưỡng cho nhà máy điện sinh khối
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Nhà cung cấp/sản xuất thiết bị. - Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.

4.3. Giai đoạn C: Vận hành và bảo dưỡng dự án

C.2	Đào tạo và Nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành của nhà máy
Mô tả	Chủ đầu tư tiến hành công tác tuyển chọn, tổ chức đào tạo và nâng cao năng lực cho nhân viên vận hành và kỹ thuật viên nhằm đảm bảo khả năng tiếp nhận, vận hành an toàn và tin cậy đối với nhà máy điện sinh khối. Hoạt động này có thể thực hiện bắt đầu từ thời điểm thi công xây dựng dự án. - Đối với các thiết bị chính trong nhà máy, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị cho dự án thiết lập các khóa đào tạo cho nhân viên của Chủ đầu tư tại chính các cơ sở của nhà sản xuất. - Đối với các thiết bị phụ trợ trong nhà máy, tùy theo quy mô và nhu cầu mà Chủ đầu tư có thể sẽ yêu cầu các Nhà thầu sản xuất/cung cấp thiết bị thiết lập các khóa đào tạo hoặc có thể ký hợp đồng với các tổ chức trong nước thực hiện các khóa đào tạo tương ứng cho nhân viên của mình. Với mục tiêu nâng cao năng lực cho các nhân viên và kỹ thuật viên vận hành, ngay trong giai đoạn xây dựng Chủ đầu tư có thể tiến hành xây dựng các khóa đào tạo trên công trường, tham gia theo dõi trực tiếp toàn bộ công tác thi công dự án để từ đó các nhân viên và kỹ thuật viên vận hành có thể bám sát, nắm bắt được công nghệ, thiết bị, các quy trình vận hành liên quan đến toàn bộ hệ thống thiết bị của nhà. Chủ đầu tư cần phải lên kế hoạch cho các biện pháp tăng cường năng lực và đào tạo. Hoạt động này sẽ rất quan trọng trong trường hợp dân cư địa phương trực tiếp vận hành nhà máy. Việc nâng cao năng lực có thể được thực hiện ngay cả trước đưa nhà máy vào vận hành. Việc nâng cao năng lực cần được thực hiện thêm một lần nữa sau khi nhà máy đã đi vào hoạt động sau một khoảng thời gian nhất định. Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với một tổ chức đào tạo chuyên nghiệp thiết kế và triển khai hoạt động nâng cao năng lực theo nhu cầu thực tế.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lưới vận hành thương mại.

Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng.
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Nhà cung cấp/sản xuất thiết bị. - Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Không áp dụng.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.



4.3. Giai đoạn C: Vận hành và bảo dưỡng dự án

C.3	Kiểm tra việc kiểm soát và thực hiện
Mô tả	Chủ đầu tư xây dựng một quy trình giám sát và kiểm soát hiệu quả vận hành của nhà máy nhằm đảm bảo vệc vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả nhất trong quá trình vận hành thương mại. Chủ đầu tư phải giám sát chặt chẽ toàn bộ việc vận hành của nhà máy. Ví dụ, mức phát thải phải được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật và các quy định của Việt Nam. Vật liệu còn sót lại trong chất thải của quá trình vận hành nhà máy như xỉ, tro bay v.v... phải được xử lý đúng cách. Hiệu suất vận hành cần được kiểm tra thường xuyên. Ngoài các hoạt động của nhà máy, công tác giữ gìn môi trường làm việc cũng là một khía cạnh quan trọng. Chủ đầu tư phải đảm bảo các tiêu chuẩn cao về sức khỏe và an toàn cho người lao động.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nổi lướivận hành thương mại.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	Không áp dụng.
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	- Nhà cung cấp/sản xuất thiết bị. - Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	- Kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào cả về khối lượng và chất lượng vì đây là yếu tố quan trọng quyết định chế độ vận hành của nhà máy; - Luôn kiểm soát chặt chẽ khối lượng nguyên liệu cho vận hành của nhà máy. Ngoài việc trong nhà máy có kho dự trữ chứa nguyên liệu phục vụ cho vận hành của nhà máy, Chủ đầu tư sẽ phải lập kế hoạch cung cấp đối với các nhà cung cấp nguyên liệu theo kế hoạch hàng năm để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho nhà máy.

	- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng của nguồn nguyên liệu đảm bảo đúng theo đặc tính kỹ thuật. Chủ đầu tư sẽ có các phòng thí nghiệm trong nhà máy thực hiện liên tục công tác kiểm tra chất lượng nguyên liệu đầu, tập hợp các số liệu định kỳ để làm cơ sở theo dõi vận hành của nhà máy. - Độ ẩm của nguồn nguyên liệu cho nhà máy điện sinh khối phải được kiểm tra chặt chẽ với nhà cung cấp để đảm bảo nhiệt trị tương ứng với phần thanh toán cho nhà cung cấp nguyên liệu. - Kiểm soát các nguồn nguyên liệu phụ (nếu có) như dầu, than, đá vôi... lập kế hoạch mua bán, kiểm soát chất lượng của các nguồn nguyên liệu này; - Kiểm soát nguồn nước cấp và nguồn nước thải ra môi trường. Chủ đầu tư tiến hành thí nghiệm, thống kê nhằm kiểm soát chất lượng theo yêu cầu vận hành của nhà máy và môi trường, ghi nhận và xử lý các biến cố xảy ra trong quá trình vận hành; - Thông qua hệ thống đo lường và điều khiển trong nhà máy, Chủ đầu tư sẽ ghi lại toàn bộ các thông số vận hành như: nhiệt độ, áp suất, lưu lượng, chất lượng điện năng... để có lập thành cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác vận hành của nhà máy đảm bảo các tính năng, thông số kỹ thuật và biện pháp khắc phục các sự cố xảy ra trong nhà máy.
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.



4.4. Giai đoạn D: Kết thúc dự án và phá dỡ

D.1	Kết thúc dự án và phá dỡ
Mô tả	Sau khi kết thúc giai đoạn vận hành dự án, nhà máy năng lượng hoặc sẽ được nâng cấp, sửa chữa hoặc dừng khai thác sử dụng. Trong trường hợp dừng khai thác sử dụng, địa điểm dự án sẽ phải được khôi phục nguyên trạng sử dụng đất. Dừng khai thác sử dụng có nghĩa là hệ thống các thiết bị chính, văn phòng và bất cứ hạng mục công trình nào khác trên mặt đất cũng đều được di dời; đường giao thông và nền móng được lắp và sửa lại để trả lại mặt bằng nguyên trạng. Tùy theo quy hoạch sử dụng đất ở khu vực dự án, một số hạng mục còn công năng sử dụng như đường dây điện và các công trình điện thông thường khác có thể được để lại; nếu không thì các hạng mục này sẽ phải tháo dỡ.
Điều kiện áp dụng	Tất cả các dự án năng lượng sinh khối nối lưới hết thời hạn vận hành thương mại.
Tài liệu/văn bản pháp lý liên quan	- Nghị định 46/2015/NĐ-CP, của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Điều 45. - Thông tư 26/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26 tháng 10 năm 2016 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; và Thông tư số 04/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 6 tháng 8 năm 2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BXD.
Chịu trách nhiệm/thẩm quyền	Chủ đầu tư.
Hồ sơ cần nộp	Không áp dụng.
Trình tự thủ tục	Chủ đầu tư sẽ phải lập kế hoạch đầy đủ về dừng khai thác sử dụng và phục hồi nguyên trạng, trong đó trình bày tất cả các nội dung chính của quá trình dừng khai thác sử dụng.

	Khi nhà máy hết thời hạn sử dụng, chủ nhà máy phải thực hiện các công việc sau: - Tổ chức kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình; - Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định chất lượng và kết quả đánh giá cho UBND tỉnh; - Tổ chức tháo dỡ và nếu cần thiết gỡ bỏ các loại cáp điện, nền, đường giao thông và đệm cần cầu; - Vận chuyển và tái chế chất thải/phế thải; - Phục hồi nguyên trạng (tạo cảnh quan và trồng cây).
Thời gian dự kiến	Không áp dụng.
Chi phí	Không áp dụng.





5.

PHỤ LỤC

5.1. Tổng hợp các thủ tục

STT	Thủ tục hành chính	Hồ sơ chuẩn bị	Cơ quan tiếp nhận/thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Chú giải
A	Giai đoạn A: phát triển dự án				
A.1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Sở KH&ĐT	Sở KH&ĐT	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các VB liên quan
A.2	Chủ trương cho phép Nhà đầu tư nghiên cứu, khảo sát thực hiện dự án	Văn bản đề xuất xin chủ trương khảo sát và lập báo cáo thực hiện dự án	Sở Chuyên ngành được UBND tỉnh ủy quyền tiếp nhận	UBND cấp tỉnh	Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và Luật số 35/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai và các VB liên quan
A.3	Quyết định bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển điện lực	Báo cáo bổ sung dự án vào Quy hoạch phát triển điện lực	Bộ Công Thương	Thủ tướng Chính phủ	Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật Điện lực; Thông tư 43/2013/TT-BCT; Và các VB liên quan
A.4	Quyết định Chủ trương đầu tư	Hồ sơ đề nghị chấp thuận Chủ trương đầu tư	Sở KH&ĐT/Ban Quản lý KCC	UBND tỉnh	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Và các VB liên quan

5.1. Tổng hợp các thủ tục

STT	Thủ tục hành chính	Hồ sơ chuẩn bị	Cơ quan tiếp nhận/thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Chú giải
A	Giai đoạn A: phát triển dự án				
A.5	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Hồ sơ đề nghị chấp thuận Chủ trương đầu tư	- Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế: đối với dự án đầu tư năng lượng sinh khối thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; - Sở KH&ĐT: đối với các trường hợp còn lại	Sở KH&ĐT/ Ban Quản lý KCC	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Và các VB liên quan
A.6	Văn bản chấp thuận mua điện	Hồ sơ xin Chấp thuận mua điện	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	EVN	Luật Điện lực; Quyết định số 373/QĐ-EVN ngày 27/3/2019 của EVN về việc ban hành quy trình đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

A.7	Thoả thuận đấu nối	Báo cáo và thoả thuận đấu nối	Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia (EVNNPT): cấp truyền tải Tổng Công ty Điện lực miền (PC miền): cấp phân phối	EVNNPT: cấp truyền tải PC miền: cấp phân phối	• Thông tư số 25/2016/TT-BCT • Thông tư số 39/2015/TT-BCT • Quyết định số 373/QĐ-EVN
A.8	Thoả thuận Hệ thống SCADA, thông tin điều độ	Báo cáo và thoả thuận Hệ thống SCADA/EMS (SCADA/DMS), Hệ thống thông tin điều độ	Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia (A0)	A0	• Thông tư số 25/2016/TT-BCT • Thông tư số 39/2015/TT-BCT • Quyết định số 373/QĐ-EVN
A.9	Thoả thuận hệ thống Rơ le bảo vệ và tự động	Báo cáo Hệ thống Rơ le bảo vệ và tự động	A0	A0	• Thông tư số 25/2016/TT-BCT • Thông tư số 39/2015/TT-BCT • Quyết định số 373/QĐ-EVN
A.10	Thoả thuận hệ thống Đo đếm điện năng	Báo cáo và thoả thuận Đo đếm điện năng	Công ty mua bán điện (EVNEPTC)	EVNEPTC	• Thông tư số 25/2016/TT-BCT • Thông tư số 39/2015/TT-BCT • Quyết định số 373/QĐ-EVN

5.1. Tổng hợp các thủ tục

STT	Thủ tục hành chính	Hồ sơ chuẩn bị	Cơ quan tiếp nhận/thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Chú giải
A	Giai đoạn A: phát triển dự án				
A.11	Thoả thuận tổng mặt bằng	Hồ sơ thoả thuận tổng mặt bằng	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	• Luật Đất đai và các VB pháp lý liên quan
A.12	Thoả thuận độ cao tỉnh không	Hồ sơ Thoả thuận độ cao tỉnh không	Cục tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc phòng	Cục tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc phòng	Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam
A.13	Văn bản góp ý về thiết kế cơ sở hệ thống PCCC	Hồ sơ hệ thống PCCC	- Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: công trình nhóm A - Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: công trình không thuộc thẩm quyền của Cục hoặc Cục uỷ quyền	- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH - Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH	Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10; Luật số 40/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy

A.14	Phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường/Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Báo cáo Đánh giá tác động môi trường hoặc kết hoạch bảo vệ môi trường	- Sở TN&MT - UBND cấp huyện Theo phân cấp	- UBND tỉnh - UBND cấp huyện	Luật số 55/2014/QH13; Luật 35/2018/QH14; và Luật số Luật số: 72/2020/QH14 (Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022) Và các VB liên quan
A.15	Văn bản Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở	Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và Thiết kế cơ sở	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương: công suất > 30 MW Sở Công Thương: công suất ≤ 30 MW	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương: công suất > 30 MW Sở Công Thương: công suất ≤ 30 MW	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. Văn bản hợp nhất số 10/ VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng Và các VB liên quan

5.1. Tổng hợp các thủ tục

STT	Thủ tục hành chính	Hồ sơ chuẩn bị	Cơ quan tiếp nhận/thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Chú giải
A	Giai đoạn A: phát triển dự án				
A.16	Phê duyệt dự án, Quyết định đầu tư xây dựng	Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và Thiết kế cơ sở	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014; Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Xây dựng và các VB liên quan
A.17	Hợp đồng mua bán điện	Đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện	Ban thị trường điện, EVN	EVN/Đơn vị được ủy quyền là Công ty mua bán điện	Luật Điện lực Quyết định số 373/QĐ-EVN

A.18	Thẩm định PCCC (sau thiết kế cơ sở)	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hệ thống PCCC	- Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: công trình nhóm A - Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: công trình không thuộc thẩm quyền của Cục hoặc Cục uỷ quyền	- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH - Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH	Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10; Luật số 40/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy
A.19	Văn bản Thông báo kết quả thẩm định TKKT	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương: công suất > 30 MW Sở Công Thương: công suất ≤ 30 MW	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương: công suất > 30 MW Sở Công Thương: công suất ≤ 30 MW	Trong trường hợp thiết kế 3 bước Luật Xây dựng và các VB pháp lý liên quan
A.20	Phê duyệt TKKT	Báo cáo thiết kế kỹ thuật	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Trong trường hợp thiết kế 3 bước Luật Xây dựng và các VB pháp lý liên quan
A.21	Văn bản giao đất	Giải phóng mặt bằng	Hội đồng GPMB	UBND tỉnh	Luật Đất đai và các VB pháp lý liên quan



5.1. Tổng hợp các thủ tục

STT	Thủ tục hành chính	Hồ sơ chuẩn bị	Cơ quan tiếp nhận/thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Chú giải
B	Giai đoạn B: Thực hiện dự án				
B.1	Văn bản Thông báo kết quả thẩm định TKBVTC	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công	- Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương: công suất > 30 MW - Sở Công Thương: công suất ≤ 30 MW	- Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương: công suất > 30 MW - Sở Công Thương: công suất ≤ 30 MW	Trong trường hợp thiết kế 2 bước Luật Xây dựng và các VB pháp lý liên quan
B.2	Phê duyệt TKBVTC	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Trong trường hợp thiết kế 2 bước Luật Xây dựng và các VB pháp lý liên quan
B.3	Giấy phép xây dựng	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	Luật Xây dựng và các VB pháp lý liên quan
B.4	Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện	Hồ sơ xin giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện	- Cục Điều tiết Điện lực: công suất ≥ 3MW - Sở Công Thương: công suất < 3MW	- Cục Điều tiết Điện lực: công suất ≥ 3MW - Sở Công Thương: công suất < 3MW	Luật Điện lực và các VB pháp lý liên quan

5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình

MẪU TỜ TRÌNH

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, THIẾT KẾ CƠ SỞ CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

- 1. Tên dự án:
- 2. Nhóm dự án:
- 3. Loại và cấp công trình
- 4. Người quyết định đầu tư:
- 5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
- 6. Địa điểm xây dựng:
- 7. Giá trị tổng mức đầu tư:
- 8. Nguồn vốn đầu tư:
- 9. Thời gian thực hiện:.....
- 10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
- 11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
- 12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

- 1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
 - Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
 - Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
 - Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
 - Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Văn bản thỏa thuận độ cao tính không (nếu có);
 - Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
 - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
 - 2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
 - Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
 - Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.
 - 3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
 - Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
 - Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.
- (Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình

TÊN TỔ CHỨC

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình

2. Loại, cấp, quy mô công trình:

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):

4. Địa điểm xây dựng:

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

6. Nguồn vốn đầu tư:

7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

9. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình

PHỤ LỤC 1A

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ ĐẦU NỐI CHO KHÁCH HÀNG CÓ NHU CẦU ĐẦU NỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Thông tin đăng ký đầu nối áp dụng cho các điểm đầu nối mới hoặc sửa đổi tại các điểm đầu nối cũ, bao gồm:

Họ và tên khách hàng có nhu cầu đầu nối:

Chức danh:

Tên đơn vị công tác:

Có trụ sở đăng ký tại:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

1. Mô tả dự án

- a) Tên dự án;
- b) Lĩnh vực hoạt động/loại hình sản xuất;
- c) Sản lượng dự kiến/Năng lực sản xuất;
- d) Ngày dự kiến bắt đầu khởi công xây dựng;
- e) Ngày dự kiến đưa vào vận hành;
- f) Điểm đầu nối hiện tại (nếu có);
- g) Điểm đầu nối đề nghị;
- h) Cấp điện áp và số mạch đường dây đầu nối đề xuất;
- i) Ngày dự kiến đóng điện điểm đầu nối.

2. Bản đồ, sơ đồ và kế hoạch

- a) Bản đồ địa lý tỷ lệ 1:50000 có đánh dấu vị trí của khách hàng có nhu cầu đầu nối, phần lưới điện truyền tải liên quan của Đơn vị truyền tải điện và vị trí điểm đầu nối;
- b) Sơ đồ bố trí mặt bằng tỷ lệ 1:200 hoặc 1:500 mô tả vị trí các tổ máy phát điện, máy biến áp, các tòa nhà, vị trí đầu nối;
- c) Cung cấp kế hoạch xây dựng các công trình đề xuất cho các vùng bao quanh trạm biến áp, tổ máy phát điện, công trình xây dựng, điểm đầu nối với tỷ lệ 1:200 hoặc 1:500.

3. Hồ sơ pháp lý

Các tài liệu về tư cách pháp nhân (bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Quyết định đầu tư, Quyết định thành lập doanh nghiệp, Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy phép hoạt động điện lực và các giấy phép khác theo quy định của pháp luật).

PHỤ LỤC 1B

THÔNG TIN VỀ NHÀ MÁY ĐIỆN VÀ TỔ MÁY PHÁT ĐIỆN

CỦA KHÁCH HÀNG CÓ NHU CẦU ĐẦU NỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Thông tin áp dụng cho nhà máy điện, tổ máy phát điện, trạm điện của khách hàng có nhu cầu đầu nối gồm:

1. Mô tả nhà máy điện

- a) Tên nhà máy;
- b) Địa điểm xây dựng;
- c) Loại hình và công nghệ của nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện than, khí, năng lượng tái tạo,...);
- d) Số tổ máy phát điện, công suất định mức;
- e) Sản lượng điện dự kiến;
- f) Công suất dự kiến phát vào lưới;
- g) Thời gian dự kiến đưa vào vận hành;
- h) Cấp điện áp đề xuất tại điểm đầu nối.

2. Sơ đồ điện

- a) Sơ đồ mặt bằng bố trí thiết bị;
- b) Sơ đồ nối điện chính, trong đó chỉ rõ:
 - Bố trí thanh cái;
 - Các mạch điện (đường dây trên không, cáp ngầm, máy biến áp...);
 - Các tổ máy phát điện;
 - Bố trí pha;
 - Bố trí nối đất;
 - Các thiết bị đóng cắt;
 - Điện áp vận hành;
 - Phương thức bảo vệ;
 - Vị trí điểm đầu nối;
 - Bố trí thiết bị bù công suất phản kháng.

Sơ đồ này chỉ giới hạn ở trạm biến áp đầu vào điểm đầu nối và các thiết bị điện khác của Khách hàng có nhu cầu đầu nối có khả năng ảnh hưởng tới hệ thống điện truyền tải, nêu rõ những phần dự kiến sẽ mở rộng hoặc thay đổi (nếu có) trong tương lai.

3. Đặc tính vận hành tổ máy phát điện

Với mỗi loại tổ máy phát điện, cần phải cung cấp đầy đủ các thông tin sau:

- Số tổ máy phát điện;
- Công suất tác dụng phát định mức (MW);
- Công suất biểu kiến phát định mức (MVA);
- Công suất tác dụng phụ tải tự dùng (MW);
- Công suất phản kháng phụ tải tự dùng (MVA_r);
- Điện áp đầu cực (kV);
- Dải công suất tác dụng (MW-MW);
- Công suất phản kháng phát tối đa tại mức công suất tác dụng định mức (MVA_r);
- Công suất phản kháng nhận tối đa tại mức công suất tác dụng định mức (MVA_r);
- Hệ số ngắn mạch;
- Dòng điện stator định mức (A);
- Dòng điện rotor định mức tại dòng điện đầu ra định mức (công suất tác dụng định mức, hệ số mang tải định mức, điện áp đầu cực định mức) và tốc độ rotor định mức (A);
- Điện áp rotor định mức (kV);
- Dải vận hành của tổ máy phát điện bao gồm giới hạn nhiệt và kích từ;

5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình

PHỤ LỤC 1B THÔNG TIN VỀ NHÀ MÁY ĐIỆN VÀ TỔ MÁY PHÁT ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG CÓ NHU CẦU ĐẦU NỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

- Đồ thị từ hóa hờ mạch;
 - Đặc tính ngắn mạch;
 - Đồ thị thành phần công suất không tải;
 - Đồ thị điện áp;
 - Thời gian hòa đồng bộ từ trạng thái ấm (giờ);
 - Thời gian hòa đồng bộ từ trạng thái lạnh (giờ);
 - Thời gian vận hành tối thiểu;
 - Thời gian dừng tối thiểu;
 - Tốc độ tăng tải định mức (MW/phút);
 - Tốc độ giảm tải định mức (MW/phút);
 - Loại nhiên liệu khởi động;
 - Khả năng thay đổi nhiên liệu khi có tải;
 - Các chế độ sẵn sàng;
 - Thời gian thay đổi chế độ tải;
 - Dải điều khiển của hệ thống điều chỉnh tần số thứ cấp (MW);
 - Các đặc tính vận hành liên quan khác;
 - Cung cấp thông tin chi tiết về công suất dự phòng của tổ máy phát điện trong các chế độ vận hành khác nhau.
- Với các nhà máy nhiệt điện, ngoài các thông số yêu cầu ở trên phải cung cấp thêm sơ đồ khối chức năng của các thành phần chính của nhà máy, lò hơi, máy phát xoay chiều, các nguồn cung cấp nhiệt hoặc hơi

4. Thông số kỹ thuật của tổ máy phát điện

Các thông số và giá trị sau:

- Điện kháng đồng bộ dọc trục X_d ;
- Điện kháng quá độ dọc trục X'_d ;
- Điện kháng siêu quá độ chưa bão hòa dọc trục X''_d ;
- Điện kháng đồng bộ ngang trục X_q ;
- Điện kháng quá độ chưa bão hòa ngang trục X'_q ;
- Điện kháng siêu quá độ chưa bão hòa ngang trục X''_q ;
- Các thông số bão hòa của các điện kháng X_d , X'_d , X''_d , X_q , X'_q , X''_q ;
- Điện kháng thứ tự nghịch X_2 ;
- Điện kháng thứ tự không X_0 ;
- Điện trở Stator R_a ;
- Điện kháng khe hở stator X_L ;
- Điện kháng điểm X_p ;
- Biểu tượng và giá trị hằng số thời gian máy phát điện;
- Hằng số thời gian quá độ hờ mạch dọc trục T_{do}' (s);
- Hằng số thời gian siêu quá độ hờ mạch dọc trục T_{do}'' (s);
- Hằng số thời gian quá độ hờ mạch ngang trục T_{qo}' (s);
- Hằng số thời gian siêu quá độ hờ mạch ngang trục T_{qo}'' (s);
- Hằng số thời gian quá độ ngắn mạch dọc trục T_d' (s);
- Hằng số thời gian siêu quá độ ngắn mạch dọc trục T_d'' (s);
- Hằng số thời gian quá độ ngắn mạch ngang trục T_q' (s);
- Hằng số thời gian siêu quá độ ngắn mạch ngang trục T_q'' (s);
- Hằng số quán tính tuabin máy phát cho toàn bộ khối quay (MWsec/MVA);

5. Hệ thống kích từ

Dự kiến kiểu kích từ và thiết bị ổn định hệ thống điện (PSS), sơ đồ khối Laplace theo tiêu chuẩn của IEEE (hoặc tiêu chuẩn tương đương được phép áp dụng) cùng các thông số và hàm truyền kèm theo.

6. Hệ thống điều tốc và thiết bị ổn định

Dự kiến kiểu điều tốc, sơ đồ khối Laplace theo tiêu chuẩn IEEE (hoặc tiêu chuẩn tương đương được phép áp dụng) cùng các thông số và hàm truyền kèm theo.

7. Hệ thống bảo vệ và điều khiển

Cung cấp thông tin về hệ thống rơ le bảo vệ của tổ máy phát điện.

Cung cấp thông tin về hệ thống tự động điều khiển của nhà máy và dự kiến phương thức ghép nối với hệ thống SCADA, thiết bị đầu cuối viễn thông của nhà máy và trạm biến áp.

8. Khởi động đen

Yêu cầu cung cấp các thông tin về trang bị khả năng khởi động đen.

9. Ảnh hưởng tới môi trường

Yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan tới phát thải khí nhà kính, bao gồm các thông tin sau:

a) Đối với nhà máy nhiệt điện

- Khí CO₂;
- + Tán CO₂/tấn nhiên liệu;
- + Hiệu suất giảm khí CO₂.
- Khí SO₂;
- + Tán SO₂/tấn nhiên liệu;
- + Hiệu suất giảm khí SO₂.
- Khí NO_x;
- + Tán NO_x/ đường cong xuất điện năng MWh.

b) Nhà máy thủy điện tích năng

- Công suất dự trữ (MWh bơm);

- Công suất bơm lớn nhất (MW);
- Công suất bơm nhỏ nhất (MW);
- Công suất phát lớn nhất (MW);
- Công suất phát nhỏ nhất (MW);
- Hiệu suất (phát/ bơm tỷ lệ %).

c) Nhà máy điện gió

- Loại turbine (cố định hay biến tốc);
- Chi tiết về đặc tính kỹ thuật và đặc tính vận hành của nhà sản xuất;
- Phương thức vận hành theo mùa của tổ máy phát điện: mùa hay liên tục;
- Dự kiến khả năng phát vào lưới điện truyền tải hàng tháng (MW);
- Đồ thị phát điện ngày điển hình của từng tháng;
- Dự kiến chi tiết sự biến đổi đầu ra thường xuyên hay nhanh, bao gồm độ lớn, tỷ lệ thay đổi lớn nhất, tần suất và quãng thời gian;
- Số liệu về kết quả đo gió trong quá khứ.

10. Dự báo tính sẵn sàng

- Yêu cầu bảo dưỡng dự kiến: ...tuần/năm;
- Khả năng sẵn sàng (lấy từ yêu cầu bảo dưỡng được lập lịch dự kiến);
- Khả năng sẵn sàng tỷ lệ công suất phát theo mùa (MW);
- Khả năng sẵn sàng tuyệt đối;
- Khả năng sẵn sàng bộ phận;
- Xác suất ngừng chạy ép buộc.
- Giới hạn khả năng phát điện:
- + Phát điện ngày (GWh);
- + Phát điện tuần (GWh);
- + Phát điện tháng (GWh);
- + Phát điện năm (GWh).
- + Annual power generation (GWh).

5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình

PHỤ LỤC 1B
THÔNG TIN VỀ NHÀ MÁY ĐIỆN VÀ TỔ MÁY PHÁT ĐIỆN
CỦA KHÁCH HÀNG CÓ NHU CẦU ĐẦU NỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

11. Số liệu kỹ thuật của các thiết bị điện tại điểm
đầu nối

a) Thiết bị đóng cắt: Cầu dao, dao cách ly của các mạch đầu
nối liên quan tới điểm đầu nối.

- Điện áp vận hành định mức (kV);
- Dòng điện định mức (A);
- Dòng cắt ngắn mạch 03 pha định mức (kA);
- Dòng cắt ngắn mạch 01 pha định mức (kA);
- Dòng cắt tải 03 pha định mức (kA);
- Dòng cắt tải 01 pha định mức (kA);
- Dòng ngắn mạch 03 pha nặng nề nhất định mức (kA);
- Dòng ngắn mạch 01 pha nặng nề nhất định mức (kA);
- Mức cách điện cơ bản-BIL (kV).

b) Máy biến áp

- Điện áp định mức và bố trí cuộn dây;
- Công suất định mức MVA của mỗi cuộn dây;
- Cuộn dây phân áp, kiểu điều áp (dưới tải hoặc không), vùng điều áp (số lượng đầu ra và kích cỡ bước điều áp);
- Chu kỳ thời gian điều áp;
- Bố trí nối đất (nối đất trực tiếp, không nối đất, nối đất qua cuộn kháng);
- Đường cong bão hòa;
- Điện trở và điện kháng thứ tự thuận của máy biến áp tại nấc phân áp danh định, nhỏ nhất, lớn nhất (R+jX trên phần trăm công suất định mức MVA của máy biến áp). Cho máy biến áp 03 cuộn dây, cả 03 cuộn dây có đầu nối bên ngoài, điện trở và điện

kháng giữa mỗi cặp cuộn dây phải được tính toán với cuộn thứ ba là hở mạch;

- Điện trở và điện kháng thứ tự không của máy biến áp tại nấc phân áp

danh định, thấp nhất và cao nhất (Ω);

- Mức cách điện cơ bản (kV).

c) Các thiết bị bù công suất phản kháng (Tụ/cuộn cảm)

- Loại thiết bị (cố định hoặc thay đổi) điện dung và/ hoặc tỷ lệ điện cảm hoặc vùng vận hành MVAR;

- Điện trở/ điện kháng, dòng điện nạp/ phóng;

- Với thiết bị tụ/ cuộn cảm có thể điều khiển được, phải cung cấp chi tiết nguyên lý điều khiển, các số liệu điều khiển như điện áp, tải, đóng cắt hoặc tự động, thời gian vận hành và các cài đặt khác.

d) Máy biến điện áp (TU)/Máy biến dòng (TI)

- Tỷ số biến;

- Giấy chứng nhận kiểm tra, kiểm định tuân theo quy định đo đếm.

e) Hệ thống bảo vệ và điều khiển

- Cấu hình hệ thống bảo vệ;

- Giá trị cài đặt đề xuất;

- Thời gian giải phóng sự cố của hệ thống bảo vệ chính và dự phòng;

- Chu kỳ tự động đóng lại (nếu có);

- Quản lý, điều khiển và giao tiếp dữ liệu.

f) Đường dây và cáp truyền tải liên quan tới điểm đầu nối

- Điện trở/ điện kháng/ điện dung;

- Dòng điện tải định mức và dòng điện tải lớn nhất.

12. Nhà máy thủy điện

Đối với nhà máy thủy điện phải cung cấp thêm dữ liệu về công suất phát và điện năng dự kiến cho mỗi tháng của năm và các thông tin liên quan đến thủy văn, thủy năng, cụ thể như sau:

a) Năng lượng sơ cấp - thủy năng

- Các thông số hồ chứa và điều tiết hồ chứa:

+ Dung tích hữu ích (tỉ m3);

+ Dung tích toàn bộ hồ (tỉ m3);

+ Dung tích chống lũ (tỉ m3);

+ Mức nước dâng bình thường (m);

+ Mức nước chết (m);

+ Mức nước gia cường (m);

+ Dung tích dành cho điều tiết nhiều năm (nếu có) (tỉ m3);

+ Diện tích lòng hồ (km2);

+ Chiều dài hồ ở mức nước dâng bình thường (km);

+ Chiều rộng trung bình hồ (km);

+ Chiều sâu trung bình hồ (m);

+ Đường đặc tính hồ chứa $V = f(h)$;

+ Kiểu điều tiết (năm, nhiều năm, hỗn hợp);

+ Quy trình điều tiết hồ chứa tóm tắt (đặt trong 01 file văn bản);

+ Quy trình điều tiết hồ chứa đầy đủ (đặt trong 01 file văn bản);

+ Biểu đồ điều tiết hồ chứa (theo tháng hay tuần).

- Các thông số về đập chính:

+ Loại đập (đất đá, bê tông,...);

+ Kiểu xả lũ (xả tự nhiên, dùng cửa xả);

+ Cao độ đỉnh đập (m);

+ Chiều cao mặt đập (m);

+ Chiều dài mặt đập (m);

+ Chiều dài đáy đập (m);

+ Cao độ trên của cánh phai xả lũ (m);

+ Sơ đồ nguyên lý cấu tạo đập (file ảnh).

- Các thông số về đập phát điện:

+ Loại đập (đất đá, bê tông,...);

+ Cao độ đỉnh đập (m);

+ Chiều cao mặt đập (m);

+ Chiều dài mặt đập (m);

+ Chiều dài đáy đập (m);

+ Cao độ trên của cửa nhận nước (m);

+ Sơ đồ nguyên lý cấu tạo đập (file ảnh).

- Các thông số phía thượng lưu:

+ Mức nước dâng bình thường (m);

+ Mức nước chết (m);

+ Mức nước gia cường (m);

+ Mức nước điều tiết nhiều năm (nếu có) (m).

- Các thông số phía hạ lưu:

+ Mức nước khi dừng toàn bộ nhà máy (m);

+ Mức nước khi chạy công suất min (m);

+ Mức nước khi chạy công suất định mức (m);

+ Mức nước khi xả lưu lượng tần suất 0,01% (m).

- Các số liệu chính về thời tiết và thủy văn:

+ Đặc điểm thời tiết khí hậu;

+ Diện tích lưu vực sông (km2);

+ Tổng lượng dòng chảy trung bình nhiều năm (m3);

+ Lưu lượng nước về trung bình năm (m3/s);

+ Bảng tổng hợp lưu lượng nước về trung bình tháng;

+ Lượng mưa trung bình hằng năm (mm);

+ Lưu lượng lũ.

5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình

PHỤ LỤC 1B
THÔNG TIN VỀ NHÀ MÁY ĐIỆN VÀ TỔ MÁY PHÁT ĐIỆN
CỦA KHÁCH HÀNG CÓ NHU CẦU ĐẦU NỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

b) Tần suất nước về và năng lượng theo thiết kế

- Các số liệu chính về tần suất nước về theo bảng sau:

Tần suất	Lưu lượng lũ tối đa (m3/s)	Lưu lượng trung bình ngày đêm (m3/s)
10,00%		
1.00%		
0.10%		
0.01%		

- Các số liệu chính về tần suất nước về và năng lượng theo thiết kế:

Tần suất	Lưu lượng	Năng lượng
25%		
50%		
65%		
75%		
90%		
Trung bình nhiều năm		

c) Cơ khí thủy lực

- Các loại cánh phai (van) dùng cho công trình:

- + Hệ thống nhận nước (file văn bản);
- + Hệ thống xả nước (file văn bản).
- Các thông số về Tua bin nước:
- + Kiểu tuabin;
- + Nước sản xuất;
- + Mã hiệu;
- + Công suất thiết kế (MW);
- + Dải công suất khả dụng ứng với cột nước tính toán (từ ...MW đến ...MW);
- + Cột nước tính toán (m);
- + Cột nước tối đa (m);
- + Cột nước tối thiểu (m);
- + Lưu lượng nước qua Tua bin ứng với tải định mức (m3/s);
- + Tốc độ quay định mức (vòng/phút);
- + Tốc độ quay lồng tốc(vòng/phút);
- + Độ cao hút HS (m);
- + Suất tiêu hao nước ở cột nước định mức (m3/kWh).
- Cấu tạo của Tua bin nước (file văn bản):
- + Stator tuabin;
- + Séc măng ổ đỡ;
- + Séc măng ổ hướng;
- + Buồng xoắn;
- + Bánh xe công tác;

- + Trục tuabin;
- + Cánh hướng nước;
- + Servomotor;
- + Hệ thống điều tốc của tuabin.
- Hoạt động của Tua bin nước:
- + Khởi động;
- + Vận hành bình thường;
- + Ngừng bình thường tuabin;
- + Ngừng sự cố tuabin;
- + Chuyển bù;
- + Đặc tính tuabin $P=f(\Delta h)$;
- + Đặc tính suất tiêu hao nước theo cột nước.
- d) Các hệ thống, thiết bị phụ đi kèm**
- + Hệ thống khí nén cao áp - hạ áp;
- + Hệ thống dầu;
- + Hệ thống nước cứu hỏa;
- + Hệ thống nước kỹ thuật làm mát.
- e) Những lưu ý đặc biệt**

5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39 /2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương Quy định hệ thống điện phân phối)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

GIỮA (ĐƠN VỊ PHÂN PHỐI ĐIỆN) VÀ ...(TÊN KHÁCH HÀNG ĐỀ NGHỊ ĐẦU NỐI)

Số:.....

- Căn cứ Thông tư số/...../TT-BCT ngàythángnăm của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối;
 - Căn cứ đơn đề nghị đầu nối ngàytháng năm của [tên khách hàng đề nghị đầu nối] gửi [Đơn vị phân phối điện];
 - Căn cứ hồ sơ đề nghị đầu nối của [tên khách hàng đề nghị đầu] gửi [Đơn vị phân phối điện] ngày tháng năm;
 - Căn cứ vào các biên bản làm việc và thỏa thuận sơ bộ phương án đầu nối
 - Căn cứ vào yêu cầu và khả năng cung cấp dịch vụ phân phối điện,
- Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

Bên A: [Đơn vị phân phối điện]

Đại diện là:
Chức vụ:
Địa chỉ:
Điện thoại:; Fax:
Tài khoản số:
Mã số thuế:
Bên B: [Tên khách hàng đề nghị đầu nối]
Đại diện là:
Chức vụ:
Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:
Tài khoản số:
Mã số thuế:
Hai bên đồng ý ký kết Thỏa thuận đầu nối với các nội dung sau:

Điều 1. [Tên Đơn vị phân phối điện] thống nhất phương án đầu nối nhà máy điện [Tên nhà máy] của [tên khách hàng đề nghị đầu nối] vào lưới điện phân phối, cụ thể như sau:

1. Quy mô công trình

- a) Điểm đầu:
- b) Điểm cuối:
- c) Đường dây:
 - Cấp điện áp đầu nối:
 - Dây dẫn:
 - Số mạch:
 - Chiều dài tuyến:
 - Kết cấu:
 - Chế độ vận hành:
- đ) Trạm biến áp:
 - Kiểu trạm:
 - Công suất trạm:

2. Đo đếm điện năng

(Tuân thủ Quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện do Bộ Công thương ban hành)

3. Ranh giới đầu tư

4. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật

5. Các hồ sơ kèm theo

Tài liệu đính kèm số 1:
Tài liệu đính kèm số 2:
Tài liệu đính kèm số 3:

5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình

Tài liệu đính kèm số 4:

Tài liệu đính kèm số 5:

(Các tài liệu đính kèm là một phần của Thỏa thuận đấu nối, hai bên đàm phán và thống nhất chi tiết cách thức và thời gian cung cấp các hồ sơ kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của Bên A

[Tên Đơn vị phân phối điện] có trách nhiệm đầu tư xây dựng lưới điện phân phối để kết nối với lưới điện của [tên khách hàng có nhu cầu đấu nối] theo đúng ranh giới đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thỏa thuận đấu nối này.

2. Trách nhiệm của Bên B

a) [Tên Khách hàng có đề nghị đấu nối] có trách nhiệm đầu tư xây dựng lưới điện phân phối của mình để kết nối với lưới điện của [tên Đơn vị phân phối điện] theo đúng ranh giới đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thỏa thuận đấu nối này.

b) [Tên khách hàng đề nghị đấu nối] cam kết quản lý, vận hành hệ thống điện/nhà máy điện của mình tuân thủ Thông tư số .../.../TT-BCT ngày...tháng...năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Ngày đấu nối

Ngày đóng điện dự kiến là(ngày, tháng, năm).

Điều 4. Chi phí kiểm tra và thí nghiệm bổ sung

Chi phí kiểm tra và thí nghiệm bổ sung trong trường hợp quy định tại khoản....Điều ...Thông tư số .../.../TT-BCT ngày...tháng...năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối được hai bên thống nhất như sau:

1.

2.

Điều 5. Các thỏa thuận khác

1. Trong quá trình vận hành, khi có sự thay đổi hay sửa chữa liên quan tới điểm đấu nối hoặc thiết bị đấu nối, bên có thay đổi phải thông báo bằng văn bản và gửi các tài liệu kỹ thuật liên quan tới bên kia; soạn thảo Phụ lục Thỏa thuận đấu nối để cả hai bên ký làm tài liệu kèm theo Thoả thuận đấu nối này.

2.

3.

Điều 6. Tách đấu nối

1. Bên B có quyền đề nghị tách đấu nối tự nguyện trong các trường hợp cụ thể quy định tại Tài liệu đính kèm số 5 và phải tuân thủ các quy định có liên quan tại Quy định hệ thống điện phân phối do Bộ Công Thương ban hành.

2. Bên A có quyền tách đấu nối bắt buộc trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 6 Điều 53 Thông tư số .../2015/TT-BCT ngày tháng năm 2015 do Bộ Công Thương ban hành Quy định hệ thống điện phân phối.

3. Các trường hợp khác: ... (do hai bên thỏa thuận)

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thỏa thuận đấu nối này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thời hạn có hiệu lực của Thỏa thuận đấu nối:

3. Thỏa thuận đấu nối này được làm thành 05 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản và 01 bản gửi tới cấp điều độ có quyền điều khiển./.

Đại diện Bên B

Đại diện Bên A

(Tên, chức danh)

(Tên, chức danh)

5.2. Tổng hợp một số Biểu mẫu điển hình

MẪU VĂN BẢN

ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục VI Mục I phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

.....

V/v thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2)

(Địa danh), ngày tháng năm

Kính gửi: ⁽³⁾

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án (2) thuộc mục số..., cột 3 Phụ lục II Mục I của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

(2) do..... phê duyệt

- địa điểm thực hiện (2):

- Địa chỉ liên hệ của (1):

- Điện thoại: Fax:; E-mail:

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương của (2);

- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu:...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:(1) Chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Văn bản đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực

Mẫu 01

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

No. .../...

....., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ

Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực

Kính gửi: ¹

Tên tổ chức đề nghị:.....

Cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có):

Có trụ sở chính tại: Điện thoại: Fax:.....; Email:

Văn phòng giao dịch tại (nếu có): Điện thoại: Fax:; Email:

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: ngày tháng năm

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ngày tháng năm

Giấy phép hoạt động điện lực số: do cấp ngày (nếu có).

Ngành nghề đăng ký kinh doanh.....

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

-.....

-.....

Các giấy tờ kèm theo:

-.....

-.....

Đề nghị ² cấp giấy phép hoạt động điện lực cho (tên tổ chức đề nghị).

.....(Tên tổ chức) xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

LÃNH ĐẠO

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

² Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

5.3. Danh sách các Văn bản pháp luật liên quan

Văn bản pháp luật liên quan đến quy hoạch

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017.
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.
- Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

Văn bản pháp luật liên quan đến hệ thống điện

- Luật Điện lực 2004 số 28/2004/QH11 ngày 14 tháng 12, 2004.
- Luật Điện lực sửa đổi 2012 số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 11, 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.
- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10, 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.
- Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3, 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030.
- Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12, 2013 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực.
- Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ CT về việc “Quy định hệ thống điện truyền tải”.
- Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11, 2015 của

Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối; Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT và Thông tư số 39/2015/TT-BCT.

- Thông tư số 27/2009/TT-BCT ngày 25 tháng 9, 2009 của Bộ Công Thương về việc quy định đo đếm điện năng trong thị trường phát điện cạnh tranh.
- Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 1 tháng 12, 2015 của Bộ Công Thương về quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện.
- Quyết định số 373/QĐ-EVN ngày 27/3/2019 của EVN về việc ban hành quy trình đàm phán, ký kết và thực hiện HĐMBĐ các dự án điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 21/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 09/9/2020 quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực.

Văn bản pháp luật liên quan đến sinh khối

- Quyết định 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3, 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam; Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg. Văn bản hợp nhất số 51/VBHN-BCT ngày 05/5/2020 của Bộ Công Thương về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam, hợp nhất Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg và Quyết định số 08/2020/QĐ-TTg.
- Thông tư số 44/2015/TT-BCT ngày 09 tháng 12, 2015 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án, biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối; Thông tư số 16/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 07/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2015/TT-BCT.

Văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/01 năm 2021 về đăng ký doanh nghiệp.
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10, 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 01/12/2015 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11, 2013.
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 6, 2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/5/2020 quy định về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng, môi trường

- Luật Xây dựng 2014 số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6, 2014; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14, và Luật số 62/2020/QH14.
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung và quản lý dự án Đầu tư.

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2016.
- Luật Đất đai 2013 số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11, 2013; Luật số 35/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai; Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 hợp nhất Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và Luật số 35/2018/QH14.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5, 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Luật Phòng cháy chữa cháy 2001 số 27/2001/QH10 ngày 20 tháng 6, 2001; Luật số 40/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy.
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/11/2020 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.
- Thông tư số 149/2020/TT-BCA của Bộ Công An ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.
- Luật Bảo vệ Môi trường 2014 số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6, 2014 , được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 39/2019/QH14 và Luật số 61/2020/QH14 (hết hiệu lực kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành).

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2022.
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 25/10/2019 hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5, 2014 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 136/2018/NĐ-CP và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. Văn bản hợp nhất 11/VBHN-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 25/10/2019 hợp nhất Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 31/12/2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.
- Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5, 2014 của Chính phủ về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6, 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT của BTNMT ngày 29/9/2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 37/2014/TT-BTNMT.
- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.
- Thông tư số 15/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 30 tháng 6, 2016 Hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

Văn bản pháp luật liên quan đến vận hành nhà máy

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5, 2012 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Thông tư số 167/2016/TT-BTC, ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực”.



5.4. Danh sách liên hệ

Tên cơ quan	Địa chỉ liên lạc	Webpage
Bộ Công Thương	54-56 Hai Bà Trưng, Hà Nội Phone: (84-4) 22 202 222	http://www.moit.gov.vn
Bộ Kế hoạch và Đầu tư	6B Hoàng Diệu, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 38 455 298	http://www.mpi.gov.vn
Bộ Xây dựng	37 Lê Đại Hành - Hà Nội. Điện thoại: (84-4) 3821 5137	http://www.moc.gov.vn/
Bộ Tài nguyên và Môi trường (MoNRE)	10 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 3795 6868	http://www.monre.gov.vn
Tổng cục Năng lượng	23 Ngô Quyền, Hà Nội Điện thoại: (84-4)62 786 184	http://www.tcnl.gov.vn
Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam (ERAV)	D10 Khuất Duy Tiến, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 22 147 474	http://www.erav.vn
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	11 Cửa Bắc, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 66946720	http://www.evn.com.vn
Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia (NPT)	18 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 22 204 444	http://www.npt.evn.vn

Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia (NLDC) Các đơn vị: - Phòng Phân tích và Kế hoạch Hệ thống Điện - Phòng Điều hành Thị trường Điện - Phòng Điều độ	Tầng 11, Tòa nhà EVN, 11 Cửa Bắc, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 39 276 180	http://www.nldc.evn.vn
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện miền Bắc (NRLDC) Các phòng ban: - Phòng Kế hoạch - Phòng Điều độ	Tầng 7 tòa nhà EVN, 11 Cửa Bắc, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 3927 6151	http://www.nrldc.evn.vn
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện miền Trung (CRLDC)	80 đường Duy Tân, q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng Điện thoại: (84-5) 11363 0331	http://www.crldc.evn.vn
Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện miền Nam (SRLDC)	5 Sư Thiện Chiếu, q.3, Tp. HCM Điện thoại: (84-8) 2221 0207	http://www.srldc.evn.vn
Công ty Mua Bán Điện (EPTC)	Tầng 12, tòa nhà EVN, 11 Cửa Bắc, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 22 218 219	http://www.eptc.vn
Cục phòng cháy chữa cháy	2A phố Đinh Lễ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 06923 - 40159	http://canhsatpccc.gov.vn/

